

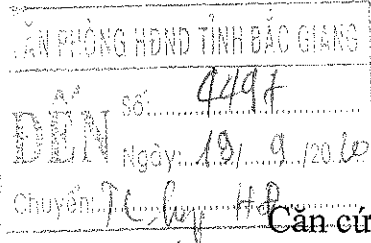
Số: 268/TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Đề nghị điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình
cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng
đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 48NQ-HĐND ngày 8/12/2016 về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; số 29/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 679/TTr-TNMT ngày 15/9/2020; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết:

Năm 2020 là năm cuối thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2011- 2020; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/5/2018.

Sau kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa XVIII, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác để trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung làm căn cứ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện trong năm 2020.

2. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

2.1. Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha: 76 dự án, công trình với diện tích thu hồi: 205,4 ha, trong đó đất trồng lúa 190,6 ha, các loại đất khác 14,8 ha; Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 191,4 ha.

2.2. Các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha (không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai): 17 dự án, công trình với diện tích đất trồng lúa 14,2ha.

2.3. Các dự án áp dụng thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, thu hồi đất trên 10 ha không phải đất trồng lúa: 02 dự án, tổng diện tích 288 ha (*dự án Sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang; Sân golf Việt Yên*).

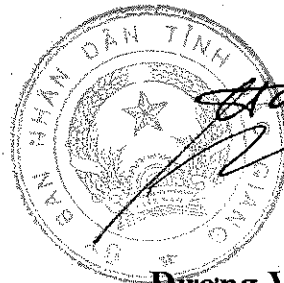
(Chi tiết theo 1, 2, 3 đính kèm).

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan: TN&MT; KH&ĐT; Công Thương; BQL các Khu công nghiệp;
- UBND các huyện: Lục Nam, Yên Dũng, Lạng Giang, Việt Yên;
- VP. UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng CV;
- + Lưu: VT. TN. Thăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đương Văn Thái

Biểu 1. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020; BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN THỦ HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Tờ trình số /TTT-UBND ngày /9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: m² (Biểu 1)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
I	HUYỆN LỤC NGẠN						
1	Dự án: Xir lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	TT Chũ, Trù Hựu	40,000.0	40,000.0			Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, NQ số 70/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện
2	Khu dân cư xã Tân Lập (bổ sung)	Tân Lập	1,000.0	1,000.0		1,000.0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; QĐ số 3434/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
3	Khu dân cư xã Đèo Gia (bổ sung)	Đèo Gia	4,000.0	3,000.0	1,000.0	3,000.0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; QĐ số 3433/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
4	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư mới trung tâm xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	Hồng Giang	40,000.0	35,000.0	5,000.0	35,000.0	QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND huyện Lục Ngạn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
5	Xây dựng Trường mầm non Nam Dương	Nam Dương	4,800.0	4,800.0		4,800.0	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 2350/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
6	Đường nhánh nối ĐT 293 với cang Mỹ An, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Mỹ An				7,000.0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
	Tổng		89,800.0	43,800.0	46,000.0	50,800.0	
II	HUYỆN VIỆT YÊN						
7	Xây dựng khu dân cư thôn Sơn Hải (để tái định cư dự án sân golf Việt Yên)	Trung Sơn	20,000.0	20,000.0		20,000.0	Thông báo số 334/TB-UBND tỉnh Bắc Giang, ngày 27/8/2020

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
8	Khu dân cư thôn Tân Sơn (để tái định cư dự án sân golf Việt Yên)	Trung Sơn	50,000.0	50,000.0		50,000.0	Thông báo số 33/4/TB-UBND tỉnh Bắc Giang, ngày 27/8/2020
9	Khu dân cư thôn Mỏ Thổ	Mình Đức	27,000.0		27,000.0		Giải quyết đơn của ông Nguyễn Châu Nga thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức CV số 11-CV-HU ngày 27/7/2020 của huyện ủy huyện Việt Yên
10	Khu dân cư thôn Ninh Khánh (Vùng 1)	Nénh	30,000.0	30,000.0		30,000.0	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1948/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện
11	Khu dân cư thôn Yên Ninh (Đông Nội)	Nénh	40,000.0	40,000.0		40,000.0	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1949/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện
12	Khu dân cư Phố II (vị trí cũ của Công ty cổ phần Thương mại Việt Yên - Giáp Ngân hàng nông nghiệp)	Bích Động	500.0		500.0		Vị trí bố trí tái định cư khi thu hồi đất
13	Khu dân cư thôn Kim Sơn	Thượng Lan	2,000.0	2,000.0		2,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
14	Khu dân cư Yên Ninh, Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	Nénh	98,000.0	97,000.0	1,000.0	97,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
15	Khu dân cư đường Hồ Công Dự nối dài	Bích Động	90,000.0	90,000.0		90,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
16	GPMB, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hàng mại: Khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu	Quang Châu	30,000.0	27,000.0	3,000.0	27,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
17	Khu dân cư thôn Như thiếp, xã Hồng Thái	Hồng Thái	50,000.0	47,000.0	3,000.0	47,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
18	Khu dân cư thôn 6, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên (giai đoạn 3)	Việt Tiến	50,000.0	50,000.0		50,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
19	Khu dân cư Hồ Dục Quang, thị trấn Bích Động	Bích Động	99,000.0	96,000.0	3,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện	
20	Khu nhà ở xã hội tại thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu	Quang Châu	33,000.0	33,000.0		Quyết định quy hoạch chi tiết số 1197/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND huyện	
21	Khu nhà ở xã hội xã hội dành cho công nhân tại thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu	Quang Châu	14,000.0	14,000.0		Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết	
22	Khu đô thị mới và nhà ở xã hội tại thôn Vân Cốc 1, 2, 3, 4 xã Vân Trung	Vân Trung	30,000.0	30,000.0		Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết	
23	Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu	Quang Châu	46,000.0	46,000.0		Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết	
24	Khu đô thị mới thị trấn Bích Động	Bích Động	100,000.0	99,000.0	1,000.0	Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 477/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND huyện	
25	Nhà văn hóa thôn Thổ hà	Vân Hà	4,000.0		4,000.0	QĐ số 3638/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND huyện	
26	Dự án Mở rộng bãi xử lý rác thải tại xã Thượng Lan	Thượng Lan	20,000.0	20,000.0		3692/UBND-ĐT ngày 3/9/2020 của UBND tỉnh	
27	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội – Bắc Giang qua Khu công nghiệp Yên Lư và Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Yên Yên (bổ sung)	Vân Trung	27,000.0	25,000.0	2,000.0	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 4/8/2020 của UBND huyện	
28	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 298 với đường 298B, huyện Yên Yên (để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất)	Nénh, Quảng Minh				55,000.0	Đã phê duyệt tại NQ số 30/NQ-HĐND ngày 07/12/2018; Quyết định chủ trương đầu tư số 21/QĐ-HĐND ngày 30/12/2017 của HĐND huyện Yên Yên

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyên mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
29	Cải tạo nâng cấp tuyến đường tỉnh 298B (đoạn từ giáp đình Khả Lý Thượng đến ngã tư Dương Huy), huyện Việt Yên (đề thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất)	Quảng Minh, Trung Sơn				9,500.0	Đã phê duyệt tại NQ số 30/NQ-HĐND ngày 07/12/2018; Quyết định chủ trương đầu tư số 701/QĐ-UBND, ngày 27/9/2016 của UBND huyện Việt Yên
Tổng			860,500.0	816,000.0	44,500.0	881,500.0	
HUYỆN LỘC NAM							
30	Khu dân cư số 3	Phượng Sơn	96,700.0	86,300.0	10,400.0	86,300.0	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lục Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
31	Khu dân cư Cửa Điểm	Lan Mẫu	24,600.0	24,600.0		24,600.0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
32	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn	4,000.0		4,000.0		Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
33	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương	2,500.0	500.0	2,000.0	500.0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
34	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú	6,000.0		6,000.0		Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
35	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bãi	Xã Bảo Sơn	4,000.0		4,000.0		Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
36	Hàng mục tuyến đường phía sau UBND huyện (tuyến N118-N11)	Thị trấn Đồi Ngô	1,000.0		1,000.0		Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang và Công văn số 654/UBND-VP ngày 24/5/2019 về chủ trương thực hiện dự án
37	Khu Dân cư mới	Xã Tam Dị	23,500.0	23,500.0		23,500.0	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư;
38	Bãi rác tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phương	5,000.0	600.0	4,400.0	600.0	Chi thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
39	Khu Dân cư mới số 2	xã Khám Lạng	8,000.0	5,000.0	3,000.0	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam và Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND huyện Lục Nam về Phê duyệt dự án	
	Tổng		175,300.0	140,500.0	34,800.0		
IV	HUYỆN YÊN DŨNG						
40	Đường DH.5B (đoạn từ TT Neo đi CCN Nham Sơn -Yên Lư)	TT. Nham Biên, Yên Lư	33,000.0	33,000.0		QĐ Phê duyệt dự án đầu tư số 5485/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, xây dựng đường DH.5B (đoạn từ thị trấn neo đi Cụm công nghiệp Nham Sơn-Yên Lư)	
41	Đường DH.5B (đoạn từ CCN Nham Sơn-Yên Lư đi đê Tả Cầu Ba Tổng)	Yên Lư	18,000.0	18,000.0		QĐ Phê duyệt dự án đầu tư số 5486/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, xây dựng đường DH.5B (đoạn từ Cụm công nghiệp Nham Sơn- Yên Lư đi đê Tả cầu Ba tổng xã Yên Lư)	
42	Đường DH.5B (đoạn từ đê Tả Cầu Ba Tổng đi Việt Yên)	Yên Lư	73,000.0	73,000.0		NQ HĐND huyện số 20/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	
43	Đường Quốc Lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên) qua xã Nội Hoàng	Tiên Phong, Nội Hoàng	84,500.0	84,500.0		QĐ Phê duyệt dự án đầu tư số 2539/QĐ-UBND ngày 03/6/2020, xây dựng tuyến đường nối QL.17-QL.37 đoạn qua khu đô thị Nội Hoàng	
44	Khu đất ở tái định cư đường Quốc lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên)	Nội Hoàng	2,500.0	2,500.0		QĐ Phê duyệt dự án đầu tư số 2539/QĐ-UBND ngày 03/6/2020, xây dựng tuyến đường nối QL.17-QL.37 đoạn qua khu đô thị Nội Hoàng	
45	Khu dân cư Thượng Tùng	Lão Hộ	10,000.0	10,000.0		NQ số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện	
46	Khu dân cư Yên Tập Bền, Hàm Long	Yên Lư	22,000.0	22,000.0		NQ số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện	
47	Khu dân cư TDP Đông Hương	TT Nham Biên	40,000.0	40,000.0		NQ số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện	
48	Khu dân cư TDP Hương, Trung, Thượng	TT Tân Dân	70,000.0	70,000.0		NQ số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện	

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyên mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
49	Nhà văn hóa Yên Tập Cao	Yên Lư	2,100.0	2,100.0		2,100.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
50	Trường mầm non Tân Sơn	Quỳnh Sơn	15,700.0	15,700.0		15,700.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
51	Mở rộng trường THCS	Quỳnh Sơn	100.0	100.0		100.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
52	Xây dựng nghĩa trang	Tiền Phong	7,000.0	7,000.0		7,000.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
53	Xây dựng nghĩa trang	Hương Gián	5,800.0	5,800.0		5,800.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
54	Xây dựng nghĩa trang	Yên Lư	4,500.0	4,500.0		4,500.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
55	Xây mới chợ (Khu mua bán tập trung)	Lão Hộ	3,000.0	3,000.0		3,000.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
56	Đường vào UBND xã	Đức Giang	15,000.0	13,000.0	2,000.0	13,000.0	Nâng cao tiêu chí về dịch nông thôn mới giao thông, thủy lợi
	Tổng		406,200.0	404,200.0	2,000.0	404,200.0	
V HUYỆN TÂN YÊN							
57	Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư (Khu đô thị Tiến Phan)	TT Nhà Nam				64,000.0	Chuyển tiếp NQ số 30 của UBND tỉnh, ngày 07/12/2018
	Tổng					64,000.0	
VI HUYỆN HIỆP HÒA							
58	Đường nối ĐT 295 với đê Sông Cầu	Châu Minh, Mai Đình, Hương Lâm	50,000.0	45,000.0	5,000.0	45,000.0	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
59	Đường đầu nối từ đường vành đai 1 vào Trung tâm quản lý đô thị môi trường huyện (mở rộng)	thị trấn Thăng	1,000.0		1,000.0		Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 phê duyệt chủ trương đầu tư.
60	Nhà văn hóa thôn Nga Trại	Hương Lâm	1,600.0	1,500.0	100.0	1,500.0	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 06/10/2019 của UBND xã Hương Lâm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

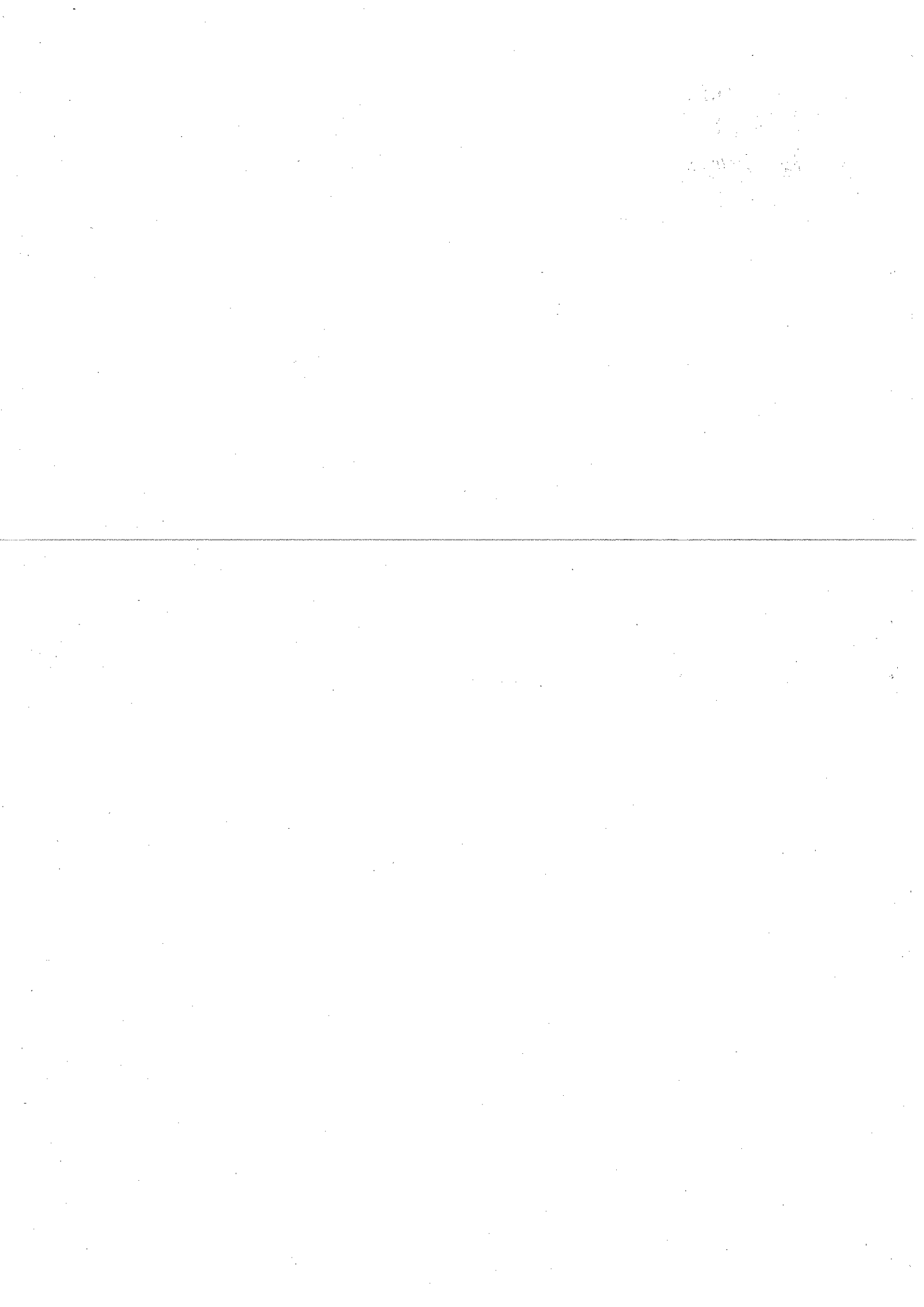
STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
61	Đất thương mại dịch vụ (Trung tâm kinh doanh đồ gỗ, đồ mộc dân dụng)	thị trấn Thăng				1.500.0	Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng.
62	KDC Đuan Bái (bổ sung diện tích)	Đuan Bái	100.0		100.0		Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư
63	Khu dân cư Đông Trước, xã Mai Đình	Mai Đình	68,000.0	68,000.0		68,000.0	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
64	Khu dân cư Đông Lám, xã Hương Lám	Hương Lám	48,000.0	48,000.0		48,000.0	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
65	Khu dân cư Lương Phong	Lương Phong	60,000.0	60,000.0		60,000.0	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
	Tổng		228,700.0	222,500.0	6,200.0	224,000.0	
VI	HUYỆN LẠNG GIANG						
66	Khu đô thị Trung tâm thị trấn Kép mở rộng (tỷ lệ 1/500)	TT Kép	42,000.0	42,000.0		42,000.0	Bổ sung diện tích tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang
67	Khu dân cư trung tâm xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang	Xã Mỹ Thái	132,500.0	130,000.0	2,500.0		Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang
68	Khu đô thị Mỹ Hưng, huyện Lạng Giang	Xã Yên Mỹ và xã Tân Hưng	101,800.0	99,000.0	2,800.0	99,000.0	Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
69	Dự án khu dân cư nông thôn	Thôn Cầu Trong và Chi Lễ, xã Mỹ Thái	5,200.0	2,600.0	2,600.0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh	
70	Khu dân cư thôn Hạ (thanh toán BT)	Xã Nghĩa Hoà	5,595.0		5,595.0	Theo Công văn số 247/UBND-XD ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh BG	
71	Khu dân cư thôn Nghĩa Hoà (thanh toán BT)	Xã Nghĩa Hoà và xã An Hà	1,000.0	1,000.0	1,000.0	Bổ sung diện tích để thực hiện dịch chuyển đường ống dầu	
72	Mở rộng trường Tiểu học xã Hương Lạc	Thôn Chùa, xã Hương Lạc	2,020.8	766.0	1,254.8	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh	
73	Xây dựng trụ sở Nhà điều hành sản xuất điện lực Lạng Giang	TT Vôi	3,000.0	3,000.0	3,000.0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 1329/QĐ-EVNNPC ngày 04/6/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	
74	Dự án nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đa chia đa nối 2020	Xã Tân Hưng, Mỹ Hà, Tiên Lục	120.0	120.0	120.0	Kế hoạch DTXD 2020 của Công ty điện lực Bắc Giang	
75	Xây dựng EZ và các TBA để giảm tổn thất điện năng và xử lý điện áp thấp, CQT các xã Quang Thịnh, Tân Đình, Mỹ Thái, Xương Lâm, Phi Mô, Tân Hưng huyện Lạng Giang năm 2020.	Xã Tân Đình, TT Vôi, Mỹ Thái, Tân Hưng, Quang Thịnh, Xương Lâm	612.0	612.0	612.0	Kế hoạch DTXD 2020 của Công ty điện lực Bắc Giang	
76	Dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi	Thị trấn Vôi, xã Xương Lâm và xã Yên Mỹ				Điều chỉnh tại Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 14/09/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc bổ sung thông tin vị trí, địa điểm xây dựng của dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang	

Đơn vị: m2 (Biểu 1)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
	Tổng		293,847.8	279,098.0	14,749.8	149,098.0	
	Tổng cộng:		2,054,347.8	1,906,098.0	148,249.8	1,914,098.0	

BẮC GIANG



Biểu 2 BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020; BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Tờ trình số

/TTr-UBND ngày /9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: m² (Biểu 2)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
I	HUYỆN VIỆT YÊN			
1	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Thượng Lan	1,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 723/QĐ-UBND ngày 25/9/2019
2	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Nénh	3,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 301/QĐ-UBND ngày 15/4/2020
3	Dự án sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, gỗ, rom, rạ, cói và vật liệu tết bện	Thượng Lan	4,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 645/QĐ-UBND ngày 22/7/2020
4	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Quang Châu	2,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 631/QĐ-UBND ngày 21/7/2020
5	Nhà máy may mặc xuất khẩu	Bích Động	10,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 547/QĐ-UBND ngày 29/6/2020
6	Cơ sở chế biến bảo quản nông sản	Bích Động	4,200.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 719/QĐ-UBND ngày 17/8/2020
7	Dự án nông nghiệp công nghệ cao	Việt Tiến	15,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 735/QĐ-UBND ngày 19/8/2020
8	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp	Hồng Thái	17,676.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 370/QĐ-UBND ngày 07/5/2020
Tổng			56,876.0	
II	HUYỆN YÊN THÉ			
9	Xây dựng bãi đỗ xe tỉnh Thị trấn Bó Hạ	Thị trấn Bó Hạ	2,345.0	Chuyển tiếp Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
Tổng			2,345.0	
III	HUYỆN LỤC NAM			

Đơn vị: m² (Biểu 2)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
10	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha	14,000.0	Công văn số 2112/SKHĐT - KTĐN ngày 26/8/2020 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang
11	Đất thương mại dịch vụ thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1,900.0	Quyết định số 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
12	Đất năng lượng thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1,500.0	Quyết định số 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
13	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mẫu	17,000.0	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang
14	Xây dựng xưởng chế biến nông sản xuất khẩu	Xã Đông Hưng	2,000.0	Quyết định số 3540/QĐ-ĐT ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về đồng ý chủ trương đầu tư
Tổng			36,400.0	
IV	HUYỆN LẠNG GIANG			
15	Dự án Xây dựng Cửa hàng kinh doanh tổng hợp của hộ kinh doanh Trần Văn Dương	Thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm	6,500.0	Quyết định Điều chỉnh chủ trương đầu tư số 324/QĐ-UBND ngày 22/4/2020
16	Dự án Xây dựng Nhà máy gia công kết cấu thép, sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn của Công ty cổ phần Phúc Hưng	Cụm công nghiệp Non Sáo, xã Tân Đình	4,500.0	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1441308886 chứng nhận lần thứ 2 ngày 19/12/2019
Tổng			11,000.0	
V	HUYỆN YÊN DŨNG			
17	Nuôi trồng thủy sản; chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng cây	Xã Đông Phúc	35,000.0	Xã lấy kinh phí xây dựng về đích nông thôn mới
Tổng			35,000.0	
Tổng cộng:			141,621.0	

BIỂU 3. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020; BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN THU HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT TRỒNG LÚA SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Tờ trình số

/TTr-UBND ngày

/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: m² (Biểu 3)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m ²)			Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác	
I	HUYỆN VIỆT YÊN									
1	Sân golf Việt Yên	Trung Sơn, Hương Mai	1,400,000.0			1,400,000.0			1,400,000.0	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 835/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 doanh nghiệp ứng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng
II	HUYỆN LỤC NAM									
2	Sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang	Chu Điện, Khám Lạng, Yên Sơn	1,480,000			1,480,000			1,480,000	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 838/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 doanh nghiệp ứng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng
	Tổng cộng:		2,880,000.0			2,880,000.0			2,880,000.0	



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2020

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình
cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng
đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHOẢ XVIII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ
về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ
cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy
hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 như sau:

1. Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha: 76 dự án, công trình với diện tích thu hồi:

205,4 ha, trong đó đất trồng lúa 190,6 ha, các loại đất khác 14,8 ha; Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 191,4 ha.

2. Các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha (không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai): 17 dự án, công trình với diện tích đất trồng lúa 14,2 ha.

3. Các dự án áp dụng thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, thu hồi đất trên 10 ha không phải đất trồng lúa: 02 dự án, tổng diện tích 288 ha (*dự án Sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang; Sân golf Việt Yên*).

(Chi tiết có biểu kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 11 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực: Huyện uỷ, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Giang;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 97/BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 58; khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013; để có cơ sở thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hằng năm HĐND tỉnh xem xét thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích dưới 10 ha sang các mục đích khác trên địa bàn tỉnh. Việc thông qua danh mục các dự án, công trình nhằm tạo tiền đề, cơ sở pháp lý để kịp thời triển khai các dự án theo quy định, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Từ căn cứ pháp lý và thực tế trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 là cần thiết, đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục, thể thức được trình bày đúng quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng trên cơ sở tổng hợp danh mục dự án do UBND các huyện, thành phố đề xuất và được UBND tỉnh thông qua.

3. Về nội dung

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết

thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh bổ sung, làm rõ hơn một số nội dung sau:

- Căn cứ đưa vào danh mục Nhà nước thu hồi đất đối với 02 dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại điểm 3, Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

- Tại Biểu 01 và Biểu 02 (kèm theo): Đề nghị sửa lại tên tiêu đề đồng thời bỏ cụm từ "Sau khi điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất".

- Đề nghị rà soát lại số liệu giữa phần thuyết minh và biểu số 01, biểu số 02 đảm bảo sự thống nhất (điểm 1, Điều 1 đề nghị 68 dự án, công trình cần thu hồi đất nhưng tại Biểu 01 kèm theo là 79 dự án, công trình; Khu dân cư Trung tâm xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang,..).

Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020. Đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP HĐND tỉnh.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Kim Phương

Bắc Giang, ngày 15 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

Đề nghị điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng; bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội v/v giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc

điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của UBND huyện Lục Ngạn tại Tờ trình số 655/TTr-UBND ngày 11/9/2020; UBND huyện Việt Yên tại các 182/TTr-UBND ngày 09/9/2020, 184/TTr-UBND ngày 11/9/2020; UBND huyện Lục Nam tại Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 11/9/2020; Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 11/9/2020; UBND huyện Yên Thế tại Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 10/9/2020; UBND huyện Yên Dũng tại Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 11/9/2020; UBND huyện Hiệp Hòa tại Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 11/9/2020; UBND huyện Tân Yên tại Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 11/9/2020; UBND huyện Lạng Giang tại Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 11/9/2020 v/v đề nghị bổ sung danh mục các dự án dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện một số dự án trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh cho phép điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

1.1. Huyện Lục Ngạn.

- Điều chỉnh chỉ tiêu đất giao thông diện tích 4,0 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất ở với tổng diện tích là 4,5 ha.
- Điều chỉnh dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích 1,0ha.

1.2. Huyện Việt Yên

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất ở với tổng diện tích là 73,95 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích 0,5ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất nghĩa trang nghĩa địa diện tích 1,5 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất cơ sở giáo dục và đào tạo diện tích 0,4 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất giao thông diện tích 2,7 ha.

1.3. Huyện Yên Dũng

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất ở với tổng diện tích là 14,45 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích 6,6ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất nghĩa trang nghĩa địa diện tích 1,73 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu Đất xây dựng cơ sở văn hóa diện tích 0,21 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất giao thông diện tích 20,85 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất cơ sở giáo dục và đào tạo diện tích 1,58 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất nông nghiệp khác diện tích 2,57 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất cây lâu năm diện tích 2,0 ha.

1.4. Huyện Lục Nam

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất ở với tổng diện tích là 11,27 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích 1,4ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải diện tích 0,5 ha.
- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất thương mại dịch vụ diện tích 1,7ha.
- Điều chỉnh loại đất từ đất cơ sở vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX) sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) tại thôn Trại Mít, xã Đông Hưng với diện tích 0,2 ha (*Trong bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của UBND huyện Lục Nam là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) tuy nhiên tại Phụ lục kèm theo quyết định 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh thì thể hiện là đất cơ sở vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX) – Theo báo cáo của UBND huyện Lục Nam tại Công văn số 1372/UBND-TNMT ngày 28/7/2020*)

1.5. Huyện Hiệp Hòa

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất ở với tổng diện tích là 17,6ha.

(Chi tiết theo biểu 01 đính kèm)

2. Đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân bổ sung danh mục dự án, công trình cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác, cụ thể như sau:

2.1. Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha: 76 dự án, công trình với diện tích thu hồi: 205,4ha, trong đó đất trồng lúa 190,6ha, các loại đất khác 14,8 ha; Diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa: 191,4ha.

2.2. Các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha (không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai): 17 dự án, công trình với diện tích đất trồng lúa 14,2ha.

2.3. Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, thu hồi đất trên 10 ha (không phải đất trồng lúa): 02 dự án, tổng diện tích 288,0ha.

(Chi tiết theo 1, 2, 3, 4 đính kèm).

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh thông qua./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 668/TTr-TNMT ngày 11/9/2020)

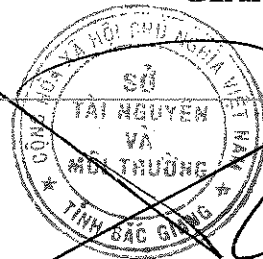
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- L&S; KHTC;
- Chi cục QLDD;

GIÁM ĐỐC



Lưu Xuân Vượng

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Cơ sở đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
8	Khu dân cư thôn Tân Sơn (đề tài định cư dự án sân golf Việt Yên)	Trung Sơn	50,000.0	50,000.0		50,000.0	Thông báo số 334/TB-UBND tỉnh Bắc Giang, ngày 27/8/2020
9	Khu dân cư thôn Mỏ Thổ	Mình Đức	27,000.0		27,000.0		Giải quyết đơn của ông Nguyễn Châu Nga thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức CV số 11-CV-HU ngày 27/7/2020 của huyện ủy huyện Việt Yên
10	Khu dân cư thôn Ninh Khánh (Vùng 1)	Nénh	30,000.0	30,000.0		30,000.0	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1948/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện
11	Khu dân cư thôn Yên Ninh (Đông Nội)	Nénh	40,000.0	40,000.0		40,000.0	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1949/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện
12	Khu dân cư Phố II (vị trí cũ của Công ty cổ phần Thương mại Việt Yên - Giáp Ngân hàng nông nghiệp)	Bích Đông	500.0		500.0		Vị trí bố trí tái định cư khi thu hồi đất
13	Khu dân cư thôn Kim Sơn	Thương Lan	2,000.0	2,000.0		2,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
14	Khu dân cư Yên Ninh, Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	Nénh	98,000.0	97,000.0	1,000.0	97,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
15	Khu dân cư đường Hồ Công Dự nối dài	Bích Đông	90,000.0	90,000.0		90,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
16	GPMB, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hạng mục: Khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu	Quang Châu	30,000.0	27,000.0	3,000.0	27,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
17	Khu dân cư thôn Như thiết, xã Hồng Thái	Hồng Thái	50,000.0	47,000.0	3,000.0	47,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
18	Khu dân cư thôn 6, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên (giai đoạn 3)	Việt Tiến	50,000.0	50,000.0		50,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
19	Khu dân cư Hồ Dục Quang, thị trấn Bích Động	Bích Động	99,000.0	96,000.0	3,000.0	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện	
20	Khu nhà ở xã hội tại thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu	Quang Châu	33,000.0	33,000.0		Quyết định quy hoạch chi tiết số 1197/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND huyện	
21	Khu nhà ở xã hội xã hội dành cho công nhân tại thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu	Quang Châu	14,000.0	14,000.0		Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết	
22	Khu đô thị mới và nhà ở xã hội tại thôn Văn Cốc 1, 2, 3, 4 xã Văn Trung	Văn Trung	30,000.0	30,000.0		Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết	
23	Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu	Quang Châu	46,000.0	46,000.0		Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết	
24	Khu đô thị mới thị trấn Bích Động	Bích Động	100,000.0	99,000.0	1,000.0	Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 477/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND huyện	
25	Nhà văn hóa thôn Thổ hà	Văn Hà	4,000.0		4,000.0	QĐ số 3638/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND huyện	
26	Dự án Mở rộng bãi xử lý rác thải tại xã Thượng Lan	Thượng Lan	20,000.0	20,000.0		3692/UBND-ĐT ngày 3/9/2020 của UBND tỉnh	
27	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội – Bắc Giang qua Khu công nghiệp Yên Lư và Khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên (bổ sung)	Văn Trung	27,000.0	25,000.0	2,000.0	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 4/8/2020 của UBND huyện	
28	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 298 với đường 298B, huyện Việt Yên (để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất)	Nénh, Quảng Minh				55,000.0 Đã phê duyệt tại NQ số 30/NQ-HĐND ngày 07/12/2018; Quyết định chủ trương đầu tư số 21/QĐ-HĐND ngày 30/12/2017 của HĐND huyện Việt Yên	

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
29	Cải tạo nâng cấp tuyến đường tỉnh 298B (đoạn từ giáp đình Kha Lý Thượng đến ngã tư Dương Huy), huyện Yên Yên (đề thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất)	Quảng Minh, Trung Sơn				9,500.0	Đã phê duyệt tại NQ số 30/NQ-HĐND ngày 07/12/2018; Quyết định chủ trương đầu tư số 701/QĐ-UBND, ngày 27/9/2016 của UBND huyện Yên Yên
Tổng			860,500.0	816,000.0	44,500.0	881,500.0	
III HUYỆN LỤC NAM							
30	Khu dân cư số 3	Phượng Sơn	96,700.0	86,300.0	10,400.0	86,300.0	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lục Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
31	Khu dân cư Cửa Điểm	Lan Mẫu	24,600.0	24,600.0		24,600.0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
32	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn	4,000.0		4,000.0		Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
33	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương	2,500.0	500.0	2,000.0	500.0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
34	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú	6,000.0		6,000.0		Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
35	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bãi	Xã Bảo Sơn	4,000.0		4,000.0		Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
36	Hàng mục tuyến đường phía sau UBND huyện (tuyến N118-N11)	Thị trấn Đồi Ngõ	1,000.0		1,000.0		Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang và Công văn số 654/UBND-VP ngày 24/5/2019 về chủ trương thực hiện dự án
37	Khu Dân cư mới	Xã Tam Dị	23,500.0	23,500.0		23,500.0	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư;
38	Bãi rác tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phương	5,000.0	600.0	4,400.0	600.0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam

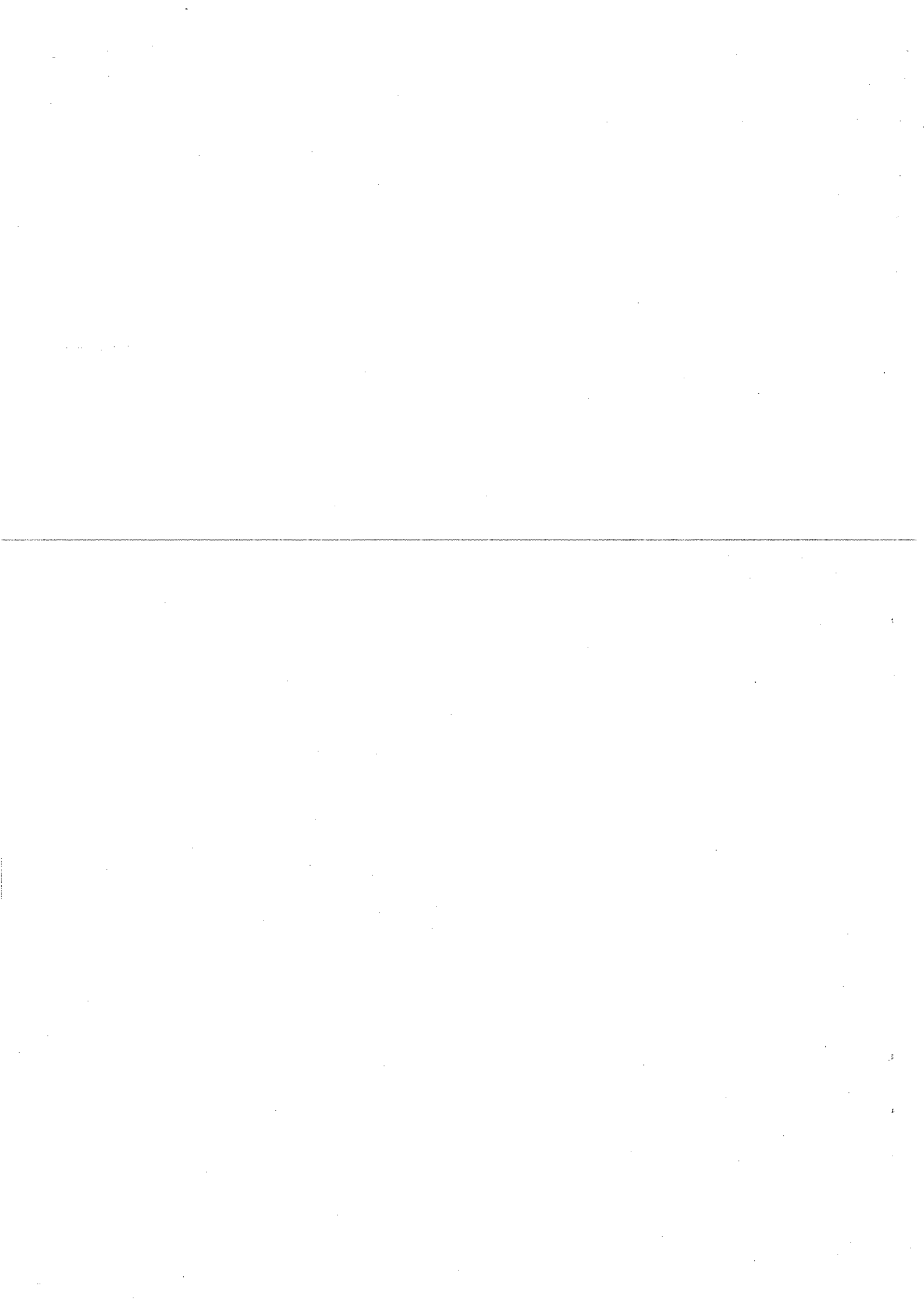
STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
39	Khu Dân cư mới số 2	xã Khám Lạng	8,000.0	5,000.0	3,000.0	5,000.0	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam và Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND huyện Lục Nam về Phê duyệt dự án
	Tổng		175,300.0	140,500.0	34,800.0	140,500.0	
IV	HUYỆN YÊN DŨNG						
40	Đường DH.5B (đoạn từ TT Neo đi CCN Nham Sơn -Yên Lư)	TT. Nham Biền, Yên Lư	33,000.0	33,000.0		33,000.0	QĐ Phê duyệt dự án đầu tư số 5485/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, xây dựng đường DH.5B (đoạn từ thị trấn neo đi Cụm công nghiệp Nham Sơn-Yên Lư)
41	Đường DH.5B (đoạn từ CCN Nham Sơn-Yên Lư đi đê Tả Cầu Ba Tổng)	Yên Lư	18,000.0	18,000.0		18,000.0	QĐ Phê duyệt dự án đầu tư số 5486/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, xây dựng đường DH.5B (đoạn từ Cụm công nghiệp Nham Sơn- Yên Lư đi đê Tả Cầu Ba tổng xã Yên Lư)
42	Đường DH.5B (đoạn từ đê Tả Cầu Ba Tổng đi Việt Yên)	Yên Lư	73,000.0	73,000.0		73,000.0	NQ HĐND huyện số 20/NQ-HĐND ngày 17/7/2019
43	Đường Quốc Lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên) qua xã Nội Hoàng	Tiền Phong, Nội Hoàng	84,500.0	84,500.0		84,500.0	QĐ Phê duyệt dự án đầu tư số 2539/QĐ-UBND ngày 03/6/2020, xây dựng tuyến đường nối QL.17-QL.37 đoạn qua khu đô thị Nội Hoàng
44	Khu đất ở tái định cư đường Quốc lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên)	Nội Hoàng	2,500.0	2,500.0		2,500.0	QĐ Phê duyệt dự án đầu tư số 2539/QĐ-UBND ngày 03/6/2020, xây dựng tuyến đường nối QL.17-QL.37 đoạn qua khu đô thị Nội Hoàng
45	Khu dân cư Thượng Tùng	Lão Hộ	10,000.0	10,000.0		10,000.0	NQ số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện
46	Khu dân cư Yên Tập Bón, Hàm Long	Yên Lư	22,000.0	22,000.0		22,000.0	NQ số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện
47	Khu dân cư TDP Đông Hương	TT Nham Biền	40,000.0	40,000.0		40,000.0	NQ số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện
48	Khu dân cư TDP Hương, Trung, Thượng	TT Tân Dân	70,000.0	70,000.0		70,000.0	NQ số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
49	Nhà văn hóa Yên Tập Cao	Yên Lư	2,100.0	2,100.0		2,100.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
50	Trường mầm non Tân Sơn	Quỳnh Sơn	15,700.0	15,700.0		15,700.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
51	Mở rộng trường THCS	Quỳnh Sơn	100.0	100.0		100.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
52	Xây dựng nghĩa trang	Tiền Phong	7,000.0	7,000.0		7,000.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
53	Xây dựng nghĩa trang	Hương Gián	5,800.0	5,800.0		5,800.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
54	Xây dựng nghĩa trang	Yên Lư	4,500.0	4,500.0		4,500.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
55	Xây mới chợ (Khu mua bán tập trung)	Lão Hộ	3,000.0	3,000.0		3,000.0	Hoàn thành tiêu chí về dịch nông thôn mới
56	Đường vào UBND xã	Đức Giang	15,000.0	13,000.0	2,000.0	13,000.0	Nâng cao tiêu chí về dịch nông thôn mới giao thông, thủy lợi
	Tổng		406,200.0	404,200.0	2,000.0	404,200.0	
V							
HUYỆN TÂN YÊN							
57	Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư (Khu đô thị Tiến Phan)	TT Nhà Nam				64,000.0	Chuyển tiếp NQ số 30 của UBND tỉnh, ngày 07/12/2018
	Tổng					64,000.0	
VI							
HUYỆN HIỆP HÒA							
58	Đường nối ĐT 295 với đê Sông Cầu	Châu Minh, Mai Đình, Hương Lâm	50,000.0	45,000.0	5,000.0	45,000.0	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
59	Đường đầu nối từ đường vành đai 1 vào Trung tâm quản lý đô thị mới trường huyện (mở rộng)	thị trấn Thăng	1,000.0		1,000.0		Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 phê duyệt chủ trương đầu tư.
60	Nhà văn hóa thôn Nga Trại	Hương Lâm	1,600.0	1,500.0	100.0	1,500.0	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 06/10/2019 của UBND xã Hương Lâm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
61	Đất thương mại dịch vụ (Trung tâm kinh doanh đồ gỗ, đồ mộc dân dụng)	thị trấn Tháng				1,500.0	Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng.
62	KDC Đoàn Bái (bổ sung diện tích)	Đoan Bái	100.0		100.0		Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư
63	Khu dân cư Đông Trước, xã Mai Đình	Mai Đình	68,000.0	68,000.0		68,000.0	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
64	Khu dân cư Đông Lám, xã Hương Lám	Hương Lám	48,000.0	48,000.0		48,000.0	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
65	Khu dân cư Lương Phong	Lương Phong	60,000.0	60,000.0		60,000.0	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
	Tổng		228,700.0	222,500.0	6,200.0	224,000.0	
VI	HUYỆN LẠNG GIANG						
66	Khu đô thị Trung tâm thị trấn Kép mở rộng (tỷ lệ 1/500)	TT Kép	42,000.0	42,000.0		42,000.0	Bổ sung diện tích tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang
67	Khu dân cư trung tâm xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang	Xã Mỹ Thái	132,500.0	130,000.0	2,500.0		Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang
68	Khu đô thị Mỹ Hưng, huyện Lạng Giang	Xã Yên Mỹ và xã Tân Hưng	101,800.0	99,000.0	2,800.0	99,000.0	Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
69	Dự án khu dân cư nông thôn	Thôn Cầu Trong và Chi Lễ, xã Mỹ Thái	5.200.0	2.600.0	2.600.0	2.600.0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh
70	Khu dân cư thôn Hạ (thanh toán BT)	Xã Nghĩa Hoà	5.595.0		5.595.0		Theo Công văn số 247/UBND-XD ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh BG
71	Khu dân cư thôn Nghĩa Hoà (thanh toán BT)	Xã Nghĩa Hoà và xã An Hà	1.000.0	1.000.0		1.000.0	Bổ sung diện tích để thực hiện dịch chuyển đường ống dẫn
72	Mở rộng trường Tiểu học xã Hương Lạc	Thôn Chùa, xã Hương Lạc	2.020.8	766.0	1.254.8	766.0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh
73	Xây dựng trụ sở Nhà điều hành sản xuất điện lực Lạng Giang	TT Vôi	3.000.0	3.000.0		3.000.0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 1329/QĐ-EVNNPC ngày 04/6/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
74	Dự án nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đa chia đa nối 2020	Xã Tân Hưng, Mỹ Hà, Tiên Lục	120.0	120.0		120.0	Kế hoạch DTXD 2020 của Công ty điện lực Bắc Giang
75	Xây dựng DZ và các TBA để giảm tổn thất điện năng và xử lý điện áp thấp, CQT các xã Quang Thịnh, Tân Đình, Mỹ Thái, Xương Lâm, Phi Mô, Tân Hưng huyện Lạng Giang năm 2020.	Xã Tân Đình, TT Vôi, Mỹ Thái, Tân Hưng, Quang Thịnh, Xương Lâm	612.0	612.0		612.0	Kế hoạch DTXD 2020 của Công ty điện lực Bắc Giang
76	Dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi	Thị trấn Vôi, xã Xương Lâm và xã Yên Mỹ					Điều chỉnh tại Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 14/09/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc bổ sung thông tin vị trí, địa điểm xây dựng của dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng trồng lúa (m ²)	Cơ sở đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất khác		
	Tổng		293,847.8	279,098.0	14,749.8	149,098.0	
	Tổng cộng:		2,054,347.8	1,906,098.0	148,249.8	1,914,098.0	



Biểu 2 BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020; BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Tờ trình số 679/TTr- TNMT ngày 15/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị: m² (Biểu 2)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
I	HUYỆN VIỆT YÊN			
1	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Thượng Lan	1,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 723/QĐ-UBND ngày 25/9/2019
2	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Nénh	3,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 301/QĐ-UBND ngày 15/4/2020
3	Dự án sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, gỗ, rom, rạ, cói và vật liệu tét bện	Thượng Lan	4,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 645/QĐ-UBND ngày 22/7/2020
4	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Quang Châu	2,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 631/QĐ-UBND ngày 21/7/2020
5	Nhà máy may mặc xuất khẩu	Bích Động	10,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 547/QĐ-UBND ngày 29/6/2020
6	Cơ sở chế biến bảo quản nông sản	Bích Động	4,200.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 719/QĐ-UBND ngày 17/8/2020
7	Dự án nông nghiệp công nghệ cao	Việt Tiến	15,000.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 735/QĐ-UBND ngày 19/8/2020
8	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp	Hồng Thái	17,676.0	Quyết định chủ trương đầu tư số 370/QĐ-UBND ngày 07/5/2020
	Tổng		56,876.0	
II	HUYỆN YÊN THÉ			
9	Xây dựng bãi đỗ xe tỉnh Thị trấn Bồ Hạ	Thị trấn Bồ Hạ	2,345.0	Chuyển tiếp Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
	Tổng		2,345.0	
III	HUYỆN LỤC NAM			

Đơn vị: m² (Biểu 2)

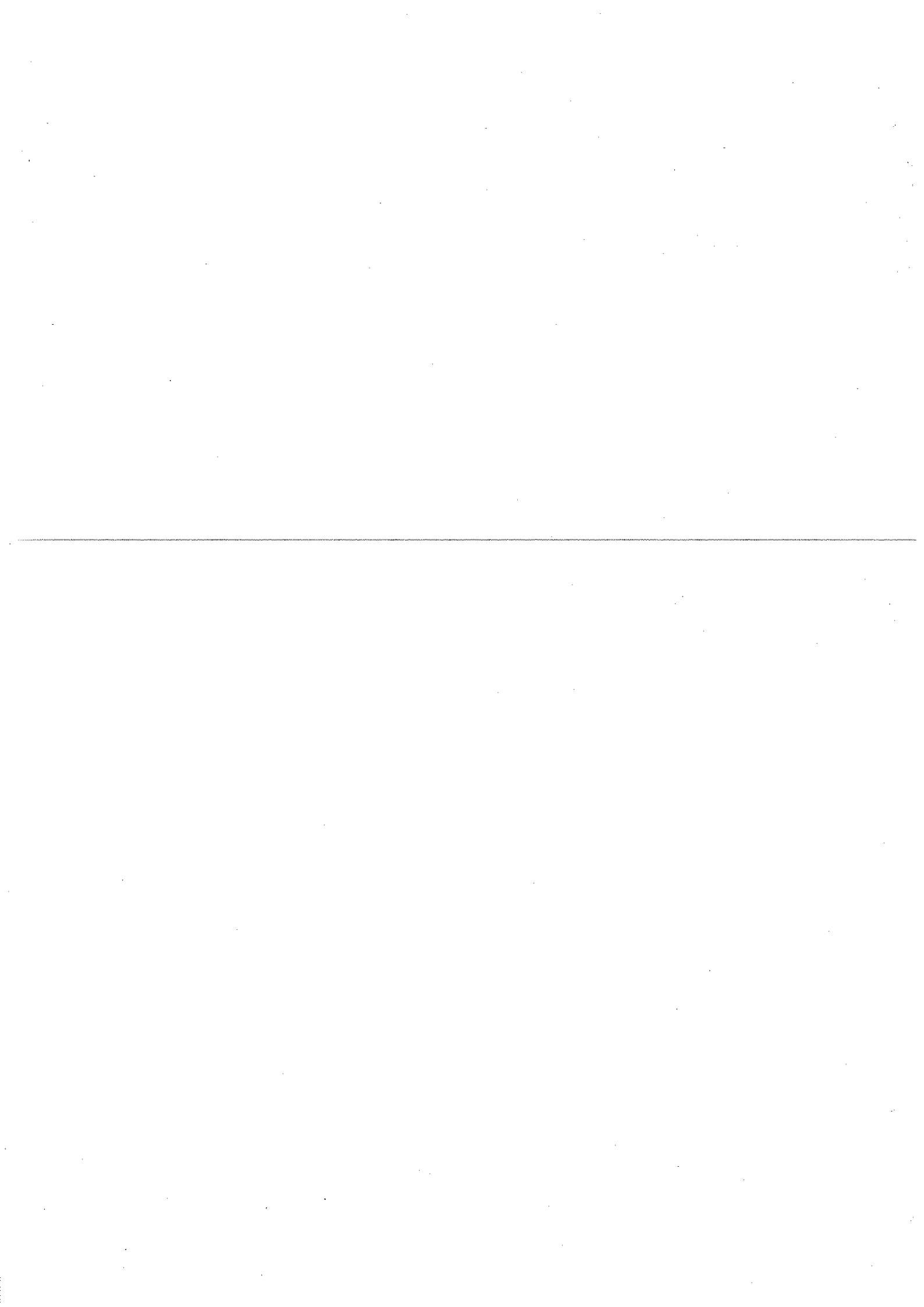
STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ đưa vào Danh mục
10	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha	14,000.0	Công văn số 2112/SKHĐT - KTĐN ngày 26/8/2020 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang
11	Đất thương mại dịch vụ thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1,900.0	Quyết định số 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
12	Đất năng lượng thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1,500.0	Quyết định số 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
13	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mẫu	17,000.0	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang
14	Xây dựng xưởng chế biến nông sản xuất khẩu	Xã Đông Hưng	2,000.0	Quyết định số 3540/QĐ-ĐT ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về đồng ý chủ trương đầu tư
Tổng			36,400.0	
IV	HUYỆN LẠNG GIANG			
15	Dự án Xây dựng Cửa hàng kinh doanh tổng hợp cửa hộ kinh doanh Trần Văn Đương	Thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm	6,500.0	Quyết định Điều chỉnh chủ trương đầu tư số 324/QĐ-UBND ngày 22/4/2020
16	Dự án Xây dựng Nhà máy gia công kết cấu thép, sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn của Công ty cổ phần Phúc Hưng	Cụm công nghiệp Non Sáo, xã Tân Đình	4,500.0	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1441308886 chứng nhận lần thứ 2 ngày 19/12/2019
Tổng			11,000.0	
V	HUYỆN YÊN DŨNG			
17	Nuôi trồng thủy sản; chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng cây	Xã Đồng Phúc	35,000.0	Xã lấy kinh phí xây dựng về đích nông thôn mới
Tổng			35,000.0	
Tổng cộng:			141,621.0	

Biểu 3. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020; BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN THỦ HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT TRỒNG LÚA SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Tờ trình số 679/TTr- TNMT ngày 15/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị: m² (Biểu 3)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m ²)			Căn cứ đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác	
I										
HUYỆN VIỆT YÊN										
1	Sân golf Việt Yên	Trung Sơn, Hương Mai	1,400,000.0			1,400,000.0			1,400,000.0	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 835/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 doanh nghiệp ứng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng
II										
HUYỆN LỤC NAM										
2	Sân golf và nghi dưỡng Bắc Giang	Chu Điện, Khám Lạng, Yên Sơn	1,480,000			1,480,000			1,480,000	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 838/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 doanh nghiệp ứng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng
Tổng cộng:			2,880,000.0			2,880,000.0			2,880,000.0	



BIỂU 4. ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG, DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỶ CUỐI (2016-2020) TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Tờ trình số 679/TTr- TNMT ngày 15/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Biểu 4 - Đơn vị: m²

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
I	HUYỆN LỤC NGẠN					
	1- Đất giao thông, thủy lợi					
1	Điều chỉnh giảm chỉ tiêu đất thủy lợi 10.000 m ² tại xã Trù Hựu; 10.000 m ² tại xã Kiên Lao, 10.000 m ² tại xã Sơn Hải, 10.000 m ² tại xã Kim Sơn chuyển sang thị trấn Chũ	TT Chũ, Trù Hựu	40,000.0		-40,000.0	Không có khả năng thực hiện; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; NQ số 70/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện Lục Ngạn
2	Thực hiện dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang			40,000.0	40,000.0	
	2- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
3	Điều chỉnh giảm chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 10.000 m ² tại xã Thanh Hải sang xã Tân Mộc	Tân Mộc	10,000.0		-10,000.0	Không có khả năng thực hiện; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; đề xuất xin Quyết định chủ trương đầu tư của tỉnh
4	Điều chỉnh tăng chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 10.000 m ² tại xã Tân Mộc			10,000.0	10,000.0	
	3- Đất ở					

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
5	Điều chỉnh giảm 45.000 m ² đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan (xã Quý Sơn, Trù Hựu) sang các xã Đèo Gia, Tân Lập, Hồng Giang	Trù Hựu, Quý Sơn	270,000.0	225,000.0	-45,000.0	Không có khả năng thực hiện hết; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh
6	Tăng chi tiêu đất tại dự án Khu dân cư xã Đèo Gia	Đèo Gia	5,000.0	9,000.0	4,000.0	bổ sung diện tích còn thiếu; QĐ số 3433/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
7	Tăng chi tiêu đất tại dự án Khu dân cư xã Tân Lập	Tân Lập	5,000.0	6,000.0	1,000.0	bổ sung diện tích còn thiếu; QĐ số 3434/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
8	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư mới trung tâm xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	Hồng Giang		40,000.0	40,000.0	QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND huyện Lục Ngạn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
HUYỆN VIỆT YÊN						
I- Đất ở						
9	Khu đô thị Thái Hà, xã Tăng Tiến	Tăng Tiến	260,000.0		-260,000.00	
10	Xây dựng khu dân cư các thôn Vân Cốc 1,2,3,4 (đọc 2 bên đường quy hoạch từ bãi đỗ xe tính đến đường vào thôn Trung Đồng)	Vân Trung	95,400.0		-95,400.00	
11	Khu dân cư thôn Kịểu		39,000.0	6,000.0	-33,000.00	

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
12	Khu dân cư thôn Sơn Hải	Trung Sơn	25,000.0		-25,000.00	
13	Khu dân cư thôn Ái Quang	Trung Sơn	25,000.0		-25,000.00	
14	Khu dân cư thôn Bãi Bằng	Mình Đức	36,300.0		-36,300.00	
15	Khu dân cư thôn Kim Sơn	Thượng Lan	72,800.0		-72,800.00	
16	Khu dân cư thôn Thượng	Thượng Lan	56,000.0		-56,000.00	
17	Khu dân cư thôn Dầu	Tự Lạn	46,000.0		-46,000.00	
18	Khu dân cư Bờ xi trong, Bờ xi ngoài dọc QL 37	Tự Lạn	35,000.0		-35,000.00	
19	Xây dựng khu thiết chế công đoàn tại thị trấn Nénh	Nénh	55,000.0		-55,000.00	
20	Nhà ở công nhân	Quang Châu	25,000.00	27,000.00	2,000.00	Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết
21	Khu nhà ở xã hội tại thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu	Quang Châu		33,000.00	33,000.00	Quyết định quy hoạch chi tiết số 1197/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND huyện
22	Khu nhà ở xã hội xã hội dành cho công nhân tại thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu	Quang Châu		33,000.00	33,000.00	Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
23	Khu đô thị mới và nhà ở xã hội tại thôn Vân Cốc 1, 2, 3, 4 xã Vân Trung	Vân Trung		30,000.00	30,000.00	Công văn số 1679/UBND-XD ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết
24	Xây dựng khu dân cư thôn Sơn Hải (để tái định cư dự án sân golf Việt Yên)	Trung Sơn		20,000.00	20,000.00	Thông báo số 334/TB-UBND tỉnh Bắc Giang, ngày 27/8/2020
25	Khu dân cư thôn Tân Sơn, Sơn Quang (để tái định cư dự án sân golf Việt Yên)	Trung Sơn	20,000.00	50,000.00	30,000.00	Thông báo số 334/TB-UBND tỉnh Bắc Giang, ngày 27/8/2020
26	Khu dân cư thôn Mỏ Thỏ	Minh Đức		27,000.00	27,000.00	Giải quyết đơn của ông Nguyễn Châu Nga thôn Mỏ Thỏ, xã Minh Đức CV số 11-CV-HU ngày 27/7/2020 của huyện ủy huyện Việt Yên
27	Khu dân cư thôn Ninh Khánh (Vùng 1)	Nénh	10,000.00	30,000.00	20,000.00	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1948/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện
28	Khu dân cư thôn Yên Ninh (Đông Nội)	Nénh	15,000.00	40,000.00	25,000.00	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1949/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện
29	Khu dân cư Phố II (vị trí cũ của Công ty cổ phần Thương mại Việt Yên - Giáp Ngân hàng nông nghiệp)	Bích Động		500.00	500.00	Vị trí bố trí tái định cư khi thu hồi đất
30	Khu dân cư thôn Kim Sơn	Thượng Lan		2,000.00	2,000.00	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
31	Khu dân cư Yên Ninh, Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	Nénh		98,000.00	98,000.00	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
32	Khu dân cư đường Hồ Công Dự nối dài	Bích Động		90,000.00	90,000.00	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
33	GPMB, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hạng mục: Khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu (3,6ha)	Quang Châu		30,000.00	30,000.00	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
34	Khu dân cư thôn Như thiết, xã Hồng Thái	Hồng Thái		50,000.00	50,000.00	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
35	Khu dân cư thôn 6, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên (giai đoạn 3)	Việt Tiến		50,000.00	50,000.00	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
36	Khu dân cư Hồ Dục Quang, thị trấn Bích Động	Bích Động		99,000.00	99,000.00	68/TB-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện
37	Khu đô thị mới thị trấn Bích Động	Bích Động		100,000.00	100,000.00	Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 477/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND huyện
2- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp						
38	Khu sản xuất kinh doanh (Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp - thôn Trung)	Nghĩa Trung	5,000.0		-5,000.0	Không có khả năng thực hiện
39	Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)	Bích Động		5,000.0	5,000.0	
3- Đất nghĩa trang nghĩa địa						
40	Mở rộng nghĩa trang Bãi Đốt	Hồng Thái	15,000.0		-15,000.0	Không có khả năng thực hiện
41	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Núi Hiều, thôn Ninh Khánh	Quang Châu, Nénh		7,800.0	7,800.0	Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 27/5/2020 của HĐND huyện

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
42	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Sơn Hải	Trung Sơn		7,200.0	7,200.0	Thông báo số 334/TB-UBND tỉnh Bắc Giang, ngày 27/8/2020
4- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo						
43	Trường mầm non Lạc Long Quân	Hồng Thái	10,000.0	8,000.0	-2,000.0	
44	Trường mầm non Đồ Rê Mí	Hồng Thái	13,000.0	11,000.0	-2,000.0	
45	Mở rộng Trường mầm non Văn Hà	Văn Hà		4,000.0	4,000.0	QĐ số 3638/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND huyện
5- Đất giao thông, thủy lợi						
46	Xây dựng các tuyến đường nội thị thị trấn Bích Động	Bích Động	60,000.0	33,000.0	-27,000.0	
47	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội – Bắc Giang qua Khu công nghiệp Yên Lư và Khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên (bổ sung)	Bích Động	70,000.0	97,000.0	27,000.0	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 4/8/2020 của UBND huyện
III HUYỆN YÊN DŨNG						
1- Đất ở						
48	Khu dân cư thôn An Thịnh, Yên Sơn	Tiền Phong	30,000.0		-30,000.0	Khó GPMB

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
49	Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị)	Tiền Phong	27,000.0		-27,000.0	Chưa triển khai thực hiện
50	Dự án 1,2, khu đô thị số 2 xã Tiền Phong 5,45 ha	Tiền Phong	170,000.0	82,500.0	-87,500.0	Không có khả năng thực hiện
51	Khu đất ở tái định cư đường Quốc lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên)	Nội Hoàng	-	2,500.0	2,500.0	Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 0,25 ha, xã Tiền Phong
52	Khu dân cư Thượng Tùng	Lão Hộ	16,000.0	26,000.0	10,000.0	Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 1,0 ha, xã Tiền Phong
53	Khu dân cư Yên Tập Bến, Hàm Long	Yên Lư	16,000.0	38,000.0	22,000.0	Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 1,45 ha, xã Tiền Phong; dự án Khu dân cư An Thịnh, xã Tiền Phong 0,75 ha
54	Khu dân cư TDP Đông Hương	TT Nham Biên	-	40,000.0	40,000.0	Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh, xã Tiền Phong 2,25 ha; Dự án 1,2, khu đô thị số 2 xã Tiền Phong 1,75 ha
55	Khu dân cư TDP Hương, Trung, Thượng	TT Tân Dân	-	70,000.0	70,000.0	Dự án 1,2, khu đô thị số 2 xã Tiền Phong 7,0 ha
56	Đường nối phía nam Thị trấn Neo (đoạn qua thị trấn Neo cũ)	TT Nham Biên	36,000.0		-36,000.0	Không có khả năng thực hiện

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
57	Đường nối phía nam Thị trấn Neo (đoạn qua xã Nham Sơn cũ)	TT Nham Biên	56,000.0		-56,000.0	Chưa triển khai thực hiện
58	Đường nối phía nam Thị trấn Neo (đoạn qua xã Tư Mại)	Tư Mại	20,000.0		-20,000.0	Chưa triển khai thực hiện
59	Đường tỉnh 293 và các tuyến xã Trí Yên	Trí Yên	32,400.0		-32,400.0	Chưa triển khai thực hiện
60	Đường vành đai	Tân Liễu	60,000.0		-60,000.0	Không có khả năng thực hiện
61	Mở rộng đường Tân Độ-Làng cũ	Tân Liễu	5,000.0	900.0	-4,100.0	Không có khả năng thực hiện
62	Đường DH.5B (đoạn từ TT Neo đi CCN Nham Sơn-Yên Lư)	TT. Nham Biên, Yên Lư	107,000.0	140,000.0	33,000.0	Lấy từ dự án đường nối phía nam thị trấn Neo đoạn qua thị trấn Neo 3,6 ha; đoạn qua xã Nham Sơn 5,6 ha; đoạn qua xã Tư Mại 2,0 ha; dự án đường vành đai xã Tân Liễu 0,79 ha; dự án đường làng Tân Độ 0,41 ha.
63	Đường DH.5B (đoạn từ CCN Nham Sơn-Yên Lư đi đề Tả Cầu Ba Tổng)	Yên Lư	86,000.0	104,000.0	18,000.0	
64	Đường DH.5B (đoạn từ đề Tả Cầu Ba Tổng đi Việt Yên)	Yên Lư	20,000.0	93,000.0	73,000.0	
65	Đường Quốc Lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên) qua xã Nội Hoàng	Trần Phong, Nội Hoàng	61,500.0	146,000.0	84,500.0	Lấy từ dự án đường 293 và các tuyến nhánh xã TH Yên 3,24 ha; đường vành đai 5,21 ha, xã Tân Liễu
3- Đất xây dựng cơ sở văn hóa						
66	Nhà văn hóa khu kênh trên cấp 2, xã Yên Lư 0,21 ha	Yên Lư	3,000.0	900.0	-2,100.0	Không có khả năng thực hiện
67	Nhà văn hóa Yên Tập Cao	Yên Lư	-	2,100.0	2,100.0	Lấy từ dự án nhà văn hóa khu kênh trên cấp 2, xã Yên Lư 0,21 ha

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
	4- Đất nghĩa trang, nghĩa địa					
68	Nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư	Yên Lư	7,000.0		-7,000.0	Không có khả năng thực hiện
69	Nghĩa trang đồng Miêu	Trí Yên	3,000.0		-3,000.0	Không có khả năng thực hiện
70	Mở rộng nghĩa trang	Đức Giang	3,800.0	2,300.0	-1,500.0	Không có khả năng thực hiện
71	Mở rộng nghĩa trang Núi Lao, xã Hương Gián 0,35 ha	Hương Gián	3,500.0		-3,500.0	Không có khả năng thực hiện
72	Mở rộng nghĩa trang Dong Dính, xã Hương Gián 0,23 ha	Hương Gián	2,300.0		-2,300.0	Không có khả năng thực hiện
73	Xây dựng nghĩa trang	Tiền Phong	2,000.0	9,000.0	7,000.0	Lấy từ dự án nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư 0,25 ha; Lấy từ dự án Quy hoạch nghĩa trang xã Cảnh Thụy 0,45 ha
74	Xây dựng nghĩa trang	Hương Gián	-	5,800.0	5,800.0	Lấy từ dự án mở rộng nghĩa trang Núi Lao, xã Hương Gián 0,35 ha; dự án mở rộng nghĩa trang Dong Dính, xã Hương Gián 0,23 ha
75	Xây dựng nghĩa trang	Yên Lư	12,000.0	16,500.0	4,500.0	Lấy từ dự án nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư 0,45 ha
	5- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo					
76	Trường THCS Tư Mại 0,35 ha;	Tư Mại	3,500.0		-3,500.0	Không có khả năng thực hiện

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
77	Trường mầm non thị trấn Tân Dân (tư thực) TT Tân An 0,4 ha)	TT Tân An	4,000.0		-4,000.0	Không có khả năng thực hiện
78	QH trường mầm non	Nội Hoàng	18,000.0	9,700.0	-8,300.0	Thực hiện không hết
79	Trường mầm non Tân Sơn	Quynh Sơn	2,300.0	18,000.0	15,700.0	Lấy từ trường THCS Tư Mại 0,35 ha; Trường mầm non thị trấn Tân Dân (tư thực) TT Tân An 0,4 ha); QH trường mầm non xã Nội Hoàng 0,82 ha
80	Mở rộng trường THCS	Quynh Sơn	2,900.0	3,000.0	100.0	Lấy từ QH trường mầm non xã Nội Hoàng 0,01 ha
6- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp						
75	Đất sản xuất kinh doanh xã Xuân Phú	Xuân Phú	40,000.0	30,000.0	-10,000.0	Không có khả năng thực hiện
76	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh xã Tiên Phong	Tiên Phong	75,000.0	19,000.0	-56,000.0	Không có khả năng thực hiện
77	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Hương Gián	-	10,000.0	10,000.0	Lấy từ dự án đất sản xuất kinh doanh xã Xuân Phú 1,0 ha.
78	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Tiên Phong	-	6,000.0	6,000.0	Lấy từ dự án Đất cơ sở sản xuất kinh doanh thôn Hầm Long, xã Tiên phong 0,6 ha
79	Xây dựng nhà máy gạch Tuylen Lãng Sơn	Lãng Sơn, Trí Yên	20,000.0	70,000.0	50,000.0	Lấy từ dự án Đất cơ sở sản xuất kinh doanh thôn Hầm Long, xã Tiên phong 5,0 ha
7- Đất nông nghiệp khác						

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
80	Đất nông nghiệp khác (sáu Mẫu)	Đồng Phúc	15,000.0		-15,000.0	Không có khả năng thực hiện
81	Đất nông nghiệp khác (Chùa Chuối)	Đồng Phúc	5,000.0		-5,000.0	Không có khả năng thực hiện
82	Đất nông nghiệp khác (Đồng Mới)	Đồng Phúc	5,700.0		-5,700.0	Không có khả năng thực hiện
83	Đất nông nghiệp khác	Đồng Phúc	44,000.0	69,700.0	25,700.0	Lấy từ dự án đất nông nghiệp khác (Sáu mẫu 1,5 ha; Chùa Chuối 0,5 ha; Đồng Mới 0,57 ha) xã Đồng Phúc
	8- Đất cây lâu năm					
84	Đất trồng cây lâu năm thôn Hàm Long	Tiền Phong	100,000.0	80,000.0	-20,000.0	Không có khả năng thực hiện
85	Đất trồng cây lâu năm	Yên Lư	-	15,000.0	15,000.0	Lấy từ dự án đất trồng cây lâu năm xã Tiền Phong 1,5 ha
86	Đất trồng cây lâu năm	TT Nham Biền	-	5,000.0	5,000.0	Lấy từ dự án đất trồng cây lâu năm xã Tiền Phong 0,5 ha
IV	HUYỆN LỤC NAM					
	1- Đất ở					
87	Khu dân cư thôn Quê	Xã Bảo Đài	8,100.0		-8,100.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Dề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
88	Đất xen kẹt các khu dân cư	Xã Bảo Đài	5,000.0		-5,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
89	Khu dân cư thôn Đào Lạng	Xã Bắc Lũng	5,000.0		-5,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
90	Khu dân cư Cầu Bình	Xã Bình Sơn	6,000.0		-6,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
91	Khu dân cư Non Thân	Xã Bình Sơn	2,000.0		-2,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
92	Khu dân cư Đồng Xung	Xã Bình Sơn	3,000.0		-3,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
93	Khu dân cư Tân Mộc	Xã Bình Sơn	3,000.0		-3,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
94	Khu dân cư số 8, thôn Ngọc Mai	Xã Chu Điện	3,000.0		-3,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
95	Khu Lão Mã, thôn Rừng Long	Xã Lục Sơn	5,100.0		-5,100.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
96	Khu Nhà Kho Cũ, thôn Thọ Sơn	Xã Lục Sơn	5,000.0		-5,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
97	Khu dân cư Trờ Trên, Trờ Dưới	Xã Nghĩa Phương	3,000.0		-3,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
98	Khu dân cư Công Ngra, thôn Hà Phú 12	Xã Tam Dị	9,000.0		-9,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
99	Khu dân cư Cửa Đình, thôn Hà Phú 12	Xã Tam Dị	2,000.0		-2,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
100	khu dân cư Núi Chùa (thôn Hồ); Ao Con Cá (thôn Giàng); Hồ Chợ (thôn Buộm); Ao Cây Lầy (thôn Thuợng Lâm)	Xã Thanh Lâm	11,000.0		-11,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
101	Khu DC thôn Quảng Hái Hồ	xã Vô Tranh	2,000.0		-2,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
102	KDC thôn Bắc Máng	xã Vô Tranh	3,000.0		-3,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
103	KDC khu vực Ao Sen	xã Vô Tranh	6,000.0		-6,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
104	Khu Bái Tửu, thôn Đồng Công 5	Xã Vũ Xá	5,000.0		-5,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
105	Khu Công Tây, thôn Góc Khé	Xã Vũ Xá	2,500.0		-2,500.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
106	Khu Đồng Trong, thôn Mười Một	Xã Yên Sơn	4,000.0		-4,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
107	thôn Cổ Mán	Xã Yên Sơn	2,000.0		-2,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
108	thôn Mười Sáu	Xã Yên Sơn	2,000.0		-2,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
109	Khu dân cư số 3	Xã Phương Sơn		9,670.0	96,700.0	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lục Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
110	Khu dân cư thôn Bãi Lồi	Xã Tam Dị	1,000.0		-1,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Dị
111	Khu dân cư Dầu Cầu K5, thôn Bãi Lồi	Xã Tam Dị	5,000.0		-5,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Dị
112	Khu dân cư Đồng Thông, thôn Trại Quán	Xã Tam Dị	2,000.0		-2,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Dị
113	Khu dân cư mới (trước đây là KDC thôn Thanh Giã 2)	Xã Tam Dị		800.0	8,000.0	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư
114	Khu dân cư thôn Hòa Nội	Xã Khám Lạng	2,000.0		-2,000.0	chuyển nội bộ trong xã
115	Khu dân cư thôn Hạ	Xã Khám Lạng	2,500.0		-2,500.0	chuyển nội bộ trong xã
116	Khu dân cư thôn Lưu	Xã Khám Lạng	3,500.0		-3,500.0	chuyển nội bộ trong xã
117	Khu dân cư mới số 2 (trước đây là KDC Chuôm, Độc Dầu thôn Giếng)	Xã Khám Lạng		800.0	8,000.0	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
	2- Đất thương mại dịch vụ					
118	Thương mại dịch vụ Suối Mỡ	Xã Nghĩa Phương	17,000.0		-17,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang xã Khám Lạng
119	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mẫu		1,700.0	17,000.0	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang
	3- Đất bãi thải, xử lý chất thải					
120	Bãi rác tập trung tại thôn Tòng Lệnh	Xã Trường Giang	3,000.0		-3,000.0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
121	Bãi đổ rác tại khu Cầu Trắng	Xã Vó Tranh	2,000.0		-2,000.0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
122	Bãi rác tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phương		500.0	5,000.0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
123	Đất sản xuất kinh doanh khu Ruộng Bún và Mầu Bàng	TT Lục Nam (nay là Thị trấn Đồi Ngõ)	14,000.0		-14,000.0	Không có khả năng thực hiện chuyển sang xã Tiên Nha
124	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha		14,000.0	14,000.0	Công văn số 2112/SKHĐT - KTDN ngày 26/8/2020 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Dề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
V	HUYỆN HIỆP HÒA					
	1- Đất ở					
125	Khu dân cư Hưng Thịnh	Thị trấn Thăng	20,000.0		-20,000.0	Khó GPMB
126	Khu dân cư Mai Hạ	Mai Đình	48,000.0		-48,000.0	Khó GPMB
127	Khu dân cư Đồng Dầu	Lương Phong, TT. Thăng	48,000.0		-48,000.0	Khó GPMB
128	Khu dân cư Bảo An	Hoàng An	30,000.0		-30,000.0	Khó GPMB
129	Khu dân cư Hương Ninh	Hợp Thịnh	30,000.0		-30,000.0	Khó GPMB
130	Khu dân cư Đông Trúoc, xã Mai Đình	Mai Đình		68,000.0	68,000.0	
131	Khu dân cư Đông Lâm, xã Hương Lâm	Hương Lâm		48,000.0	48,000.0	
132	Khu dân cư Lương Phong	Lương Phong		60,000.0	60,000.0	
	2- Đất giao thông, thủy lợi					
133	Đường giao thông nông thôn	Các xã trong huyện	5.00		-5.00	Khó GPMB

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
134	Đường nối ĐT 295 với đê Sông Cầu	Châu Minh, Mai Đình, Hương Lâm		5.00	5.00	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
3- Đất sinh hoạt cộng đồng						
135	Nhà văn hóa	Đồng Tân	0.16		-0.16	Khó GPMB
136	Nhà văn hóa thôn Nga Trại	Hương Lâm		0.16	0.16	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 06/10/2019 của UBND xã Hương Lâm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Đảm bảo tiêu chí về đích nông thôn mới





**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 655/TTr-UBND

Lục Ngạn, ngày 11 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lục Ngạn; bổ sung danh mục các dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2020 (bổ sung)

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lục Ngạn;

Căn cứ Văn bản số 2812/TNMT-KHTC ngày 08/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo việc thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và đề xuất trình bổ sung danh mục dự án, công trình năm 2020;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1584/TTr-TNMT ngày 11/9/2020;

Sau khi rà soát điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, tạo cơ hội thu hút đầu tư, thực hiện quy hoạch sử dụng đất đạt tỷ lệ cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của huyện Lục Ngạn trong việc thực hiện các dự án, công trình mới phát sinh, đồng thời phù hợp với khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.

UBND huyện Lục Ngạn đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phép điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lục Ngạn và bổ sung danh mục các dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2020 (bổ sung), như sau:

1. Điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện (bổ sung):

(chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

2. Bổ sung danh mục các dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2020.

(chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

UBND huyện Lục Ngạn đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp trình UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận: *Như*

- Như trên (Đề nghị);
- Lưu: HS, VT.

Bản điện tử:

- Như trên (Đề nghị);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TNMT, CVTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



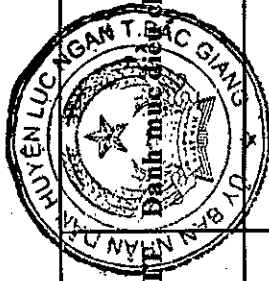
Nguyễn Văn Hải

**BIỂU BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ, ĐỊA ĐIỂM, DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH
TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN LỤC NGẠN**

(Kèm theo Tờ trình số 680/TT-BAN AN KHU VỰC NGẠN ngày 19/2020 của UBND huyện Lục Ngạn)

Đơn vị: m² (Biểu 01)

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Biên độ điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Điều chỉnh từ dự án, công trình	Căn cứ điều chỉnh
1	Điều chỉnh giảm chi tiêu đất thủy lợi 10.000 m ² tại xã Trù Hựu ; 10.000 m ² tại xã Kiến Lao, 10.000 m ² tại xã Sơn Hải, 10.000 m ² tại xã Kim Sơn chuyển sang thị trấn Chũ	TT Chũ, Trù Hựu	40.000,0		-40.000,0	Điều chỉnh giảm chi tiêu đất thủy lợi 10.000 m ² tại xã Trù Hựu ; 10.000 m ² tại xã Kiến Lao, 10.000 m ² tại xã Sơn Hải, 10.000 m ² tại xã Kim Sơn chuyển sang thị trấn Chũ để thực hiện dự án: Xứ lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phụng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Không có khả năng thực hiện; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; NQ số 70/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện Lục Ngạn
			40.000,0	40.000,0			
2	Điều chỉnh giảm chi tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 10.000 m ² tại xã Thanh Hải sang xã Tân Mộc	Tân Mộc	10.000,0		-10.000,0	Điều chỉnh chi tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp từ xã Thanh Hải sang xã Tân Mộc để thực hiện xây dựng Nhà máy chế giơ rau quả Lục Ngạn	Không có khả năng thực hiện; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; đề xuất xin Quyết định chủ trương đầu tư của tỉnh
	Điều chỉnh tăng chi tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 10.000 m ² tại xã Tân Mộc			10.000,0	10.000,0		



STT	Đánh mục để phân tích, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Điều chỉnh từ dự án, công trình	Căn cứ điều chỉnh
	Điều chỉnh giảm 45.000 m ² đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan (xã Quý Sơn, Trù Hựu) sang các xã Đèo Gia, Tân Lập, Hồng Giang	Trù Hựu, Quý Sơn	270.000,0	225.000,0	-45.000,0		Không có khả năng thực hiện hết; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh
3	Tăng chi tiêu đất tại dự án Khu dân cư xã Đèo Gia	Đèo Gia	5.000,0	9.000,0	4.000,0	Điều chỉnh giảm 45.000 m ² đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan (xã Quý Sơn, Trù Hựu) sang các xã Đèo Gia, Tân Lập, Hồng Giang để thực hiện các dự án khu dân cư	bổ sung diện tích còn thiếu; QĐ số 3433/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
	Tăng chi tiêu đất tại dự án Khu dân cư xã Tân Lập	Tân Lập	5.000,0	6.000,0	1.000,0		bổ sung diện tích còn thiếu; QĐ số 3434/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư mới trung tâm xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	Hồng Giang		40.000,0	40.000,0		QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND huyện Lục Ngạn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
4	Chuyển từ đất thương mại dịch vụ sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (dự án nhà máy sản xuất thùng xốp xã Phụng Sơn)	Phụng Sơn		10.000,0			Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh;

ĐĂNG KÝ BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÉP THU HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG VÀO CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Trình tự UBND ngày 19/2020 của UBND huyện Lục Ngạn)

Biểu số 02

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (m ²)				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)		Căn cứ đưa vào Danh mục
		Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (m ²)	Đất khác (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT							
1	Dự án: Xyl sắt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	40.000,0			40.000,0		40.000,0	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, NQ số 70/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện
2	Khu dân cư xã Tân Lập (bổ sung)	1.000,0	1.000,0				1.000,0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; QĐ số 3434/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
3	Khu dân cư xã Đèo Gia (bổ sung)	4.000,0	3.000,0		1.000,0		3.000,0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; QĐ số 3433/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
4	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư mới trung tâm xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	40.000,0	35.000,0		5.000,0		35.000,0	QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND huyện Lục Ngạn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án





	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)		Căn cứ đưa vào Danh mục
		Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (m ²)	Đất khác (m ²)	Đất lúa (m ²)	
5	Xây dựng Trường mầm non Nam Dương	4.800,0	4.800,0			4.800,0	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 2350/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
6	Xây dựng đường hầm Trung tâm chỉ huy và Bộ tham mưu/Sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn 2	1.200,0	1.200,0			1.200,0	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1956/QĐ-TM ngày 29/10/2019 của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam (bổ sung diện tích thiếu)
7	Xây dựng Trường mầm non Mỹ An	1.000,0			1.000,0	1.000,0	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 4071/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
8	Chuyển mục đích từ đất trụ sở (phòng giáo dục huyện) sang đất thương mại dịch vụ	3.000,0			3.000,0	3.000,0	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh;
B	CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC						
1	Đường nhánh nối ĐT 293 với cảng Mỹ An, huyện Lạc Nam và Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang	70.000,0				7.000,0	điều chỉnh QHSDĐ đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
	Tổng A+B	165.000,0	45.000,0		50.000,0	52.000,0	113.000,0

Số: 1584/TT- TNMT

Lục Ngạn, ngày 11 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lục Ngạn; bổ sung danh mục các dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2020 (bổ sung)

Kính gửi: UBND huyện Lục Ngạn.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội v/v giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lục Ngạn;

Căn cứ văn bản số 2812/TNMT-KHTC ngày 08/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo việc thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và đề xuất trình bổ sung danh mục dự án, công trình năm 2020;

Sau khi rà soát điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, tạo cơ hội thu hút đầu tư, thực hiện quy hoạch sử dụng đất đạt tỷ lệ cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của huyện Lục Ngạn, để thực hiện các dự án, công trình mới phát sinh, đồng thời phù hợp với khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội v/v giải thích một số điều của

Luật Quy hoạch, phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND huyện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh quy mô, giá diện, số lượng, danh mục dự án, công trình quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện (bổ sung):

(chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

2. Bổ sung danh mục các dự án được phép thu hồi đất, các dự án được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các mục đích khác năm 2020.

(chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

Đề nghị UBND huyện xem xét trình UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên (Đề nghị);
- Lưu: TNMT.



Ngô Thanh Tùng

BIỂU BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN LỤC NGẠN

(Kèm theo Tô trình số 15/TT-TNMT ngày 11/9/2020 của phòng Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị: m² (Biểu 01)

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Quy hoạch để nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Điều chỉnh từ dự án, công trình	Căn cứ điều chỉnh
1	Điều chỉnh giảm chi tiêu đất thủy lợi 10.000 m ² tại xã Trù Hựu ; 10.000 m ² tại xã Kiên Lao, 10.000 m ² tại xã Sơn Hải, 10.000 m ² tại xã Kim Sơn chuyển sang thị trấn Chũ	TT Chũ, Trù Hựu	40.000,0		-40.000,0	Điều chỉnh giảm chi tiêu đất thủy lợi 10.000 m ² tại xã Trù Hựu ; 10.000 m ² tại xã Kiên Lao, 10.000 m ² tại xã Sơn Hải, 10.000 m ² tại xã Kim Sơn chuyển sang thị trấn Chũ để thực hiện dự án: Xứ lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Không có khả năng thực hiện; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; NQ số 70/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện Lục Ngạn
			40.000,0	40.000,0			
2	Điều chỉnh tăng chi tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 10.000 m ² tại xã Thanh Hải sang xã Tân Mộc	Tân Mộc	10.000,0		-10.000,0	Điều chỉnh chi tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp từ xã Thanh Hải sang xã Tân Mộc để thực hiện xây dựng Nhà máy chế biến rau quả Lục Ngạn	Không có khả năng thực hiện; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; đề xuất xin Quyết định chủ trương đầu tư của tỉnh
			10.000,0	10.000,0	10.000,0		

STT	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm thực hiện	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh trong năm 2020	Tăng, giảm	Điều chỉnh từ dự án, công trình	Căn cứ điều chỉnh
3	<p>Điều chỉnh giảm 45.000 m² đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan (xã Quý Sơn, Trù Hựu) sang các xã Đèo Gia, Tân Lập, Hồng Giang</p> <p>Tăng chi tiêu đất tại dự án Khu dân cư xã Đèo Gia</p> <p>Tăng chi tiêu đất tại dự án Khu dân cư xã Tân Lập</p> <p>Dự án: Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư mới trung tâm xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn</p>	Trù Hựu, Quý Sơn	270.000,0	225.000,0	-45.000,0	Điều chỉnh giảm 45.000 m ² đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan (xã Quý Sơn, Trù Hựu) sang các xã Đèo Gia, Tân Lập, Hồng Giang	Không có khả năng thực hiện hết; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh.
	Tăng chi tiêu đất tại dự án Khu dân cư xã Đèo Gia	Đèo Gia	5.000,0	9.000,0	4.000,0	Điều chỉnh giảm 45.000 m ² đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan (xã Quý Sơn, Trù Hựu) sang các xã Đèo Gia, Tân Lập, Hồng Giang để thực hiện các dự án khu dân cư	bổ sung diện tích còn thiếu; QĐ số 3433/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
	Tăng chi tiêu đất tại dự án Khu dân cư xã Tân Lập	Tân Lập	5.000,0	6.000,0	1.000,0	Điều chỉnh giảm 45.000 m ² đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan (xã Quý Sơn, Trù Hựu) sang các xã Đèo Gia, Tân Lập, Hồng Giang để thực hiện các dự án khu dân cư	bổ sung diện tích còn thiếu; QĐ số 3434/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư mới trung tâm xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	Hồng Giang		40.000,0	40.000,0	Điều chỉnh giảm 45.000 m ² đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan (xã Quý Sơn, Trù Hựu) sang các xã Đèo Gia, Tân Lập, Hồng Giang để thực hiện các dự án khu dân cư	QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND huyện Lục Ngạn về việc phê duyệt chi trong đầu tư dự án
4	Chuyển từ đất thương mại dịch vụ sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (dự án nhà máy sản xuất thùng xốp xã Phượng Sơn)	Phượng Sơn		10.000,0			Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh;

ĐĂNG KÝ BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÉP THU HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG VÀO CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2020

Biểu số 02

(Kèm theo Thông tư số 57/TT-BTNMT ngày 19/9/2020 của phòng Tài nguyên và Môi trường)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)		Cơ sở đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (m ²)	Đất khác (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)	
CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT									
1	Dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chủ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	TT Chủ, Trà Hựu	40.000,0			40.000,0		40.000,0	Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, NQ số 70/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện
2	Khu dân cư xã Tân Lập (bổ sung)	Tân Lập	1.000,0	1.000,0			1.000,0		Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; QĐ số 3434/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
3	Khu dân cư xã Đèo Gia (bổ sung)	Đèo Gia	4.000,0	3.000,0		1.000,0	3.000,0	1.000,0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; QĐ số 3433/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
4	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư mới trung tâm xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	Hồng Giang	40.000,0	35.000,0		5.000,0	35.000,0	5.000,0	QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND huyện Lục Ngạn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)		Cơ sở đưa vào Danh mục
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (m ²)	Đất khác (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)	
5	Xây dựng Trường mầm non Nam Dương	Nam Dương	4.800,0	4.800,0			4.800,0		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 2350/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
6	Xây dựng đường hầm Trung tâm chỉ huy và Bộ tham mưu/Sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn 2	Sơn Hải	1.200,0	1.200,0			1.200,0		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1956/QĐ-TM ngày 29/10/2019 của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam (bổ sung diện tích thiếu)
7	Xây dựng Trường mầm non Mỹ An	Mỹ An	1.000,0				1.000,0		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 4071/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện (bổ sung diện tích thiếu)
8	Chuyển mục đích từ đất trụ sở (phòng giáo dục huyện) sang đất thương mại dịch vụ	TT Chũ	3.000,0				3.000,0		Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh;
B	CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC								điều chỉnh QHSĐĐ đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
1	Đường nhánh nối ĐT 293 với cảng Mỹ An, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Mỹ An	70.000,0				7.000,0	63.000,0	
	Tổng A+B		165.000,0	45.000,0			50.000,0	113.000,0	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 182 /TTr-UBND

Việt Yên, ngày 10 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị bổ sung danh mục các dự án công trình được phép thu
hồi thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào các mục đích khác năm
2020 của huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch, ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐTTg ngày 15/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Sân golf Việt Yên tại các xã Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

UBND huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường bổ sung dự án Sân golf Việt Yên vào danh mục các dự án công trình được phép thu hồi thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 với diện tích 140 ha tại xã Trung Sơn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên.

Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, thẩm định./. *u*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- LĐVP, CVTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PH. CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương

Số: 184 /TTr-UBND

Việt Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án công trình trong quy hoạch sử dụng đất, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020; bổ sung danh mục các dự án công trình được phép thu hồi thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác năm 2020 của huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch, ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

UBND huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án công trình trong quy hoạch sử dụng đất, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020; bổ sung danh mục các dự án công trình được phép thu hồi thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác năm 2020 của huyện Việt Yên, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 với tổng diện tích 150,25 ha (*chi tiết có biểu 1 kèm theo*).

2. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020; danh mục công trình thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 của huyện Việt Yên gồm 34 dự án với tổng diện tích 170,19 ha, trong đó đất trồng lúa 103,88 ha (*chi tiết có biểu 2 kèm theo*).

Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên trình Sở Tài nguyên và Môi trường
xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND huyện;
- Phòng TN&MT;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163/TTr-UBND

Lục Nam, ngày 11 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị bổ sung danh mục các dự án công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào các mục đích khác năm 2020 của huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang tại các xã Chu Điện, Khám Lạng và Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

UBND huyện Lục Nam trình Sở Tài nguyên và Môi trường bổ sung dự án Sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang vào danh mục các dự án công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 với diện tích 148 ha tại các xã Chu Điện, Khám Lạng và Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

UBND huyện Lục Nam trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, thẩm định./

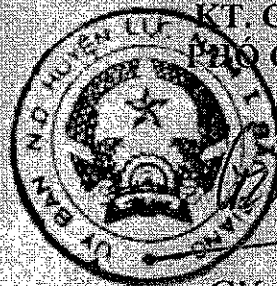
Nơi nhận: *Được*

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- TT PTQĐ&CCN huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Giáp Văn Ôn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 115 /TTr-UBND

Yên Dũng, ngày 11 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
bổ sung danh mục dự án, công trình thu hồi đất, chuyển mục đích
sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2020**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn Cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Yên Dũng;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 2812/TNMT-KHCT ngày 08/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Báo cáo thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; rừng đặc dụng và đề xuất trình bổ sung danh mục dự án, công trình năm 2020.

Sau khi rà soát điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, tạo cơ hội thu hút đầu tư, thực hiện quy hoạch sử dụng đất đạt tỷ lệ cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của huyện

Yên Dũng, để thực hiện các dự án, công trình phát sinh, đồng thời phù hợp với khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch, UBND huyện Yên Dũng đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phép điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Yên Dũng; điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác năm 2020, như sau:

1. Điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Yên Dũng, gồm:

- Điều chỉnh cắt giảm diện tích của 24 dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Yên Dũng với tổng diện tích là 49,99 ha.

- Điều chỉnh, bổ sung 21 dự án, công trình vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Yên Dũng với tổng diện tích 49,99 ha.

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

2. Bổ sung danh mục các dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, sang các mục đích khác năm 2020.

Điều chỉnh, bổ sung 18 danh mục các dự án, công trình thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 43,19 ha (trong đó: đất lúa 42,49 ha; đất khác 0,20 ha).

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

UBND huyện Yên Dũng trình Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Sở TN&MT;

- TT HU, HĐND huyện (b/c);

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;

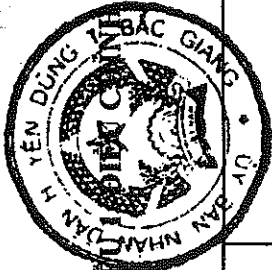
- Phòng TN&MT;

- LĐVP, CV KT-ĐD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hưng



BIÊN BẢN KIỂM TRA QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM SỐ LƯỢNG, DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 CỦA HUYỆN YÊN DŨNG

(Kèm theo Tờ trình số: 115 /TT-UBND ngày 19/2020 của UBND huyện Yên Dũng)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm -	Diện tích còn lại (ha)	Điều chỉnh tờ dự án, công trình
I	Các công trình, dự án đề nghị điều chỉnh, cắt bỏ		72,5	22,5	-49,99	22,5	
1	Khu dân cư thôn An Thịnh, Yên Sơn	Tiên Phong	3,0	0,0	-3,0	0,0	Chưa triển khai thực hiện
2	Khu dân cư An Thịnh (lâm khu đô thị)	Tiên Phong	2,7	0,0	-2,7	0,0	Chưa triển khai thực hiện
3	Dự án 1,2, khu đô thị số 2 xã Tiên Phong 5,45 ha	Tiên Phong	17,0	8,25	-8,75	8,3	Chưa triển khai thực hiện
4	Đường nối phía nam Thị trấn Neo (đoạn qua thị trấn Neo cũ)	TT Nham Biền	3,6	0,0	-3,6	0,0	Chưa triển khai thực hiện
5	Đường nối phía nam Thị trấn Neo (đoạn qua xã Nham Sơn cũ)	TT Nham Biền	5,6	0,0	-5,6	0,0	Chưa triển khai thực hiện
6	Đường nối phía nam Thị trấn Neo (đoạn qua xã Tư Mại)	Tư Mại	2	0,0	-2,0	0,0	Chưa triển khai thực hiện
7	Đường tỉnh 293 và các tuyến xã Trí Yên	Trí Yên	3,24	0,0	-3,2	0,0	Chưa triển khai thực hiện
8	Đường vành đai	Tân Liễu	6,00	0,00	-6,00	0,0	Chưa triển khai thực hiện
9	Mở rộng đường Tân Độ-Làng cũ	Tân Liễu	0,50	0,09	-0,41	0,1	Chưa triển khai thực hiện
10	Nhà văn hóa khu kênh trên cấp 2, xã Yên Lư 0,21 ha	Yên Lư	0,3	0,09	-0,21	0,1	Chưa triển khai thực hiện

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm -	Diện tích còn lại (ha)	Điều chỉnh từ dự án, công trình
11	Nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư	Yên Lư	0,7	0,00	-0,70	0,0	Chưa triển khai thực hiện
12	Nghĩa trang đồng Miêu	Triệu Yên	0,3	0,0	-0,30	0,0	Chưa triển khai thực hiện
13	Mở rộng nghĩa trang	Đức Giang	0,38	0,23	-0,15	0,2	Chưa triển khai thực hiện
14	Mở rộng nghĩa trang Núi Lao, xã Hương Gián 0,35 ha	Hương Gián	0,35	0,00	-0,35	0,0	Chưa triển khai thực hiện
15	Mở rộng nghĩa trang Dong Dính, xã Hương Gián 0,23 ha	Hương Gián	0,23	0,00	-0,23	0,0	Chưa triển khai thực hiện
16	Trường THCS Tư Mại 0,35 ha;	Tư Mại	0,35	0,0	-0,35	0,0	Chưa triển khai thực hiện
17	Trường mầm non thị trấn Tân Dân (tư thực) TT Tân An 0,4 ha)	TT Tân An	0,4	0,0	-0,4	0,0	Chưa triển khai thực hiện
18	QH trường mầm non	Nội Hoàng	1,8	0,97	-0,83	1,0	Thực hiện không hết
19	Đất sản xuất kinh doanh xã Xuân Phú	Xuân Phú	4,0	3,00	-1,00	3,0	Chưa triển khai thực hiện
20	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh xã Tiên Phong	Tiên Phong	7,5	1,90	-5,60	1,9	Chưa triển khai thực hiện
21	Đất nông nghiệp khác (sầu Mầu)	Đông Phúc	1,5	0,00	-1,50	0,0	Chưa triển khai thực hiện
22	Đất nông nghiệp khác (Chùa Chuối)	Đông Phúc	0,5	0,00	-0,50	0,0	Chưa triển khai thực hiện
23	Đất nông nghiệp khác (Đông Múi)	Đông Phúc	0,57	0,00	-0,57	0,0	Chưa triển khai thực hiện
24	Đất trồng cây lâu năm thôn Hàm Long	Tiên Phong	10,0	8,00	-2,00	8,0	Chưa triển khai thực hiện

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm -	Diện tích còn lại (ha)	Điều chỉnh từ dự án, công trình
II	Các công trình, dự án đề nghị bổ sung vào quy hoạch 2020		39,0	88,5	49,99	Ghi chú	Lấy từ các dự án
1	Đường DH.5B (đoạn từ TT Neo đi CCN Nham Sơn-Yên Lư)	TT. Nham Biên, Yên Lư	10,7	14,0	3,3		Lấy từ dự án đường nối phía nam thị trấn Neo đoạn qua thị trấn Neo 3,6 ha; đoạn qua xã Nham Sơn 5,6 ha; đoạn qua xã Tư Mại 2,0 ha; dự án đường vành đai xã Tân Liễu 0,79 ha; dự án đường làng Tân Độ 0,41 ha.
2	Đường DH.5B (đoạn từ CCN Nham Sơn-Yên Lư đi đê Tả Cầu Ba Tổng)	Yên Lư	8,6	10,4	1,8		
3	Đường DH.5B (đoạn từ đê Tả Cầu Ba Tổng đi Việt Yên)	Yên Lư	2,0	9,3	7,3		
4	Đường Quốc Lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên) qua xã Nội Hoàng	Tiền Phong, Nội Hoàng	6,15	14,60	8,45		Lấy từ dự án đường 293 và các tuyến nhánh xã Trì Yên 3,24 ha; đường vành đai S,21 ha, xã Tân Liễu
5	Khu đất ở tái định cư đường Quốc lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên)	Nội Hoàng		0,25	0,25		Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 0,25 ha, xã Tiên Phong
6	Khu dân cư Thượng Tùng	Lão Hộ	1,60	2,60	1,00		Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 1,0 ha, xã Tiên Phong
7	Khu dân cư Yên Tập Bền, Hàm Long	Yên Lư	1,60	3,80	2,20		Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 1,45 ha, xã Tiên Phong; dự án Khu dân cư An Thịnh, xã Tiên Phong 0,75 ha
8	Khu dân cư TDP Đông Hương	TT Nham Biên		4,00	4,00		Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh, xã Tiên Phong 2,25 ha; Dự án 1,2, khu đô thị số 2 xã Tiên Phong 1,75 ha
9	Khu dân cư TDP Hương, Trung, Thượng	TT Tân Dân		7,00	7,00		Dự án 1,2, khu đô thị số 2 xã Tiên Phong 7,0 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm -	Diện tích còn lại (ha)	Điều chỉnh từ dự án, công trình
10	Nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm	Đông Phúc	4,40	6,97	2,57		Lấy từ dự án đất nông nghiệp khác (Sáu mẫu 1,5 ha; Chùa Chuối 0,5 ha; Đông Mối 0,57 ha) xã Đông Phúc
11	Nhà văn hóa Yên Tập Cao	Yên Lư		0,21	0,21		Lấy từ dự án nhà văn hóa khu kênh trên cấp 2, xã Yên Lư 0,21 ha
12	Trường mầm non Tân Sơn	Quỳnh Sơn	0,23	1,8	1,57		Lấy từ trường THCS Tư Mại 0,35 ha; Trường mầm non thị trấn Tân Dân (tư thực) TT Tân An 0,4 ha); QH trường mầm non xã Nội Hoàng 0,82 ha
13	Mở rộng trường THCS	Quỳnh Sơn	0,29	0,3	0,01		Lấy từ QH trường mầm non xã Nội Hoàng 0,01 ha
14	Xây dựng nghĩa trang	Tiền Phong	0,2	0,9	0,7		Lấy từ dự án nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư 0,25 ha; Lấy từ dự án Quy hoạch nghĩa trang xã Cảnh Thụy 0,45 ha
15	Xây dựng nghĩa trang	Hương Gián		0,58	0,58		Lấy từ dự án mở rộng nghĩa trang Núi Lao, xã Hương Gián 0,35 ha; dự án mở rộng nghĩa trang Dong Đình, xã Hương Gián 0,23 ha
16	Xây dựng nghĩa trang	Yên Lư	1,2	1,65	0,45		Lấy từ dự án nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư 0,45 ha
17	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Hương Gián		1,0	1,0		Lấy từ dự án đất sản xuất kinh doanh xã Xuân Phú 1,0 ha.
18	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Tiền Phong		0,6	0,6		Lấy từ dự án Đất cơ sở sản xuất kinh doanh thôn Hầm Long, xã Tiền Phong 0,6 ha
19	Xây dựng nhà máy gạch Tuylen Lãng Sơn	Lãng Sơn, Trí Yên	2,0	7,0	5,0		Lấy từ dự án Đất cơ sở sản xuất kinh doanh thôn Hầm Long, xã Tiền Phong 5,0 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm -	Diện tích còn lại (ha)	Điều chỉnh từ dự án, công trình
20	Đất trồng cây lâu năm	Yên Lư		1,5	1,5		Lấy từ dự án đất trồng cây lâu năm xã Tiên Phong 1,5 ha
21	Đất trồng cây lâu năm	TT Nham Biền		0,5	0,5		Lấy từ dự án đất trồng cây lâu năm xã Tiên Phong 0,5 ha



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC PHÉP THU HỒI ĐẤT, CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND ngày /9/2020 của UBND huyện Yên Dũng)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)				Diện tích chuyển mục đích (m ²)		Chi chú
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	
II	Các danh mục công trình, dự án đề nghị bổ sung vào năm 2020		43,19	42,99	-	0,20	42,99	-	Lấy từ các dự án
1	Đường DH.5B (đoạn từ TT Neo đi CCN Nham Sơn - Yên Lư)	TT. Nham Biền, Yên Lư	3,3	3,3	-		3,3		
2	Đường DH.5B (đoạn từ CCN Nham Sơn - Yên Lư đi đê Tà Cầu Ba Tổng)	Yên Lư	1,8	1,8	-		1,8		Lấy từ dự án đường nối phía nam thị trấn Neo đoạn qua thị trấn Neo 3,6 ha; đoạn qua xã Nham Sơn 5,6 ha; đoạn qua xã Tư Mại 2,0 ha; dự án đường vành đai xã Tân Liễu 0,79 ha; dự án đường làng Tân Độ 0,41 ha.
3	Đường DH.5B (đoạn từ đê Tà Cầu Ba Tổng đi Việt Yên)	Yên Lư	7,3	7,3	-		7,3		
4	Đường Quốc Lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên) qua xã Nội Hoàng	Tiền Phong, Nội Hoàng	8,45	8,45	-		8,45		Lấy từ dự án đường 293 và các tuyến nhánh xã Trí Yên 3,24 ha; đường vành đai 5,21 ha, xã Tân Liễu
5	Khu đất ở tái định cư đường Quốc lộ 37 (đoạn QL 17 đi Việt Yên)	Nội Hoàng	0,25	0,25	-		0,25		Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 0,25 ha, xã Tiên Phong
6	Khu dân cư Thượng Tùng	Lão Hộ	1,00	1,00	-		1,0		Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 1,0 ha, xã Tiên Phong
7	Khu dân cư Yên Tập Bền, Hàm Long	Yên Lư	2,20	2,20	-		2,2		Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị) 1,45 ha, xã Tiên Phong; dự án Khu dân cư An Thịnh, xã Tiên Phong 0,75 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m2)				Diện tích chuyển mục đích (m2)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	Đất rừng phòng hộ	
8	Khu dân cư TDP Đồng Hương	TT Nham Biền	4,00	4,00	-		4,0			Lấy từ dự án Khu dân cư An Thịnh, xã Tiên Phong 2,25 ha; Dự án 1,2, khu đô thị số 2 xã Tiên Phong 1,75 ha	
9	Khu dân cư TDP Hương, Trung, Thượng	TT Tân Dân	7,00	7,00	-		7,0			Dự án 1,2, khu đô thị số 2 xã Tiên Phong 7,0 ha	
10	Nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm	Đồng Phúc	2,57	2,57	-		2,57			Lấy từ dự án đất nông nghiệp khác (Sáu mẫu 1,5 ha; Chùa Chuối 0,5 ha; Đồng Mới 0,57 ha) xã Đồng Phúc	
11	Nhà văn hóa Yên Tập Cao	Yên Lư	0,21	0,21	-		0,2			Lấy từ dự án nhà văn hóa khu kénh trên cấp 2, xã Yên Lư 0,21 ha	
12	Trường mầm non Tân Sơn	Quỳnh Sơn	1,57	1,57	-		1,57			Lấy từ trường THCS Tư Mại 0,35 ha; Trường mầm non thị trấn Tân Dân (tư thực) TT Tân An 0,4 ha; QH trường mầm non xã Nội Hoàng 0,82 ha	
13	Mở rộng trường THCS	Quỳnh Sơn	0,01	0,01	-		0,01			Lấy từ QH trường mầm non xã Nội Hoàng 0,01 ha	
14	Xây dựng nghĩa trang	Tiên Phong	0,7	0,7	-		0,7			Lấy từ dự án nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư 0,25 ha; Lấy từ dự án Quy hoạch nghĩa trang xã Cảnh Thụy 0,45 ha	
15	Xây dựng nghĩa trang	Hương Gián	0,58	0,58	-		0,58			Lấy từ dự án mở rộng nghĩa trang Núi Lao, xã Hương Gián 0,35 ha; dự án mở rộng nghĩa trang Dong Đình, xã Hương Gián 0,23 ha	
16	Xây dựng nghĩa trang	Yên Lư	0,45	0,45	-		0,45			Lấy từ dự án nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư 0,45 ha	

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)					Diện tích chuyển mục đích (m ²)		Diện tích còn lại (ha)
			Tổng diện tích	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
17	Xây mới chợ (Khu mua bán tập trung)	Lào Hộ	0,3	0,3	-	-	0,3	-	Bổ sung Nghị quyết và Kế hoạch sử dụng đất	
18	Đường vào UBND xã	Dục Giang	1,5	1,3	-	0,2	1,3	-	Bổ sung Nghị quyết và Kế hoạch sử dụng đất	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 219/TT-UBND

Hiệp Hòa, ngày 10 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Hiệp Hòa; bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020; bổ sung Danh mục dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 huyện Hiệp Hòa

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/CP-NĐ ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Thực hiện Văn bản số 2812/TNMT-KHTC ngày 08/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo việc thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đề xuất trình bổ sung danh mục dự án, công trình năm 2020.

Sau khi rà soát điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, tạo cơ hội thu hút đầu tư, thực hiện quy hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của huyện Hiệp Hòa để thực hiện các dự án, công trình phát sinh, đồng thời phù hợp với khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; UBND huyện Hiệp Hòa đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phép điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

huyện Hiệp Hòa; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020; bổ sung danh mục các dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020, như sau:

1. Điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Hiệp Hòa, gồm:

- Điều chỉnh diện tích 5,0 ha quy hoạch đất giao thông tại các xã trên địa bàn huyện về xã Châu Minh, Mai Đình, Hương Lâm để thực hiện dự án Xây dựng Đường nối ĐT 295 với đê Sông Cầu.

- Điều chỉnh diện tích 6,8 ha quy hoạch đất ở tại thị trấn Thăng và xã Mai Đình (thôn Mai Hạ) về xã Mai Đình để thực hiện dự án Khu dân cư Đông Trước, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa

- Điều chỉnh diện tích 4,8 ha quy hoạch đất ở tại xã Lương Phong và thị trấn Thăng về xã Hương Lâm để thực hiện dự án Khu dân cư Đông Lâm, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa

- Điều chỉnh diện tích 6,0 ha quy hoạch đất ở tại xã Hoàng An, Hợp Thịnh về xã Lương Phong để thực hiện dự án Khu dân cư Lương Phong

- Điều chỉnh diện tích 0,16 ha quy hoạch đất nhà văn hóa từ xã Đồng Tân về xã Hương Lâm để xây dựng Nhà văn hóa thôn Nga Trại.

(chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

2. Bổ sung danh mục dự án được phép thu hồi đất, các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Hiệp Hòa.

- Bổ sung diện tích 5,0 ha đất để thực hiện dự án Đường nối ĐT 295 với đê Sông Cầu; địa điểm: xã Châu Minh, Mai Đình, Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa.

- Bổ sung diện tích 0,16 ha đất để thực hiện dự án Nhà văn hóa thôn Nga Trại, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa.

- Bổ sung diện tích 0,1 ha đất để thực hiện dự án Đường đầu nối từ đường vành đai 1 vào Trung tâm quản lý đô thị môi trường huyện (mở rộng đường) tại thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa.

- Bổ sung diện tích 4,0 ha đất để thực hiện dự án Xây dựng công trình quốc phòng trong căn cứ chiến đấu 2 tại xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa.

- Bổ sung diện tích 0,01 ha đất để thực hiện dự án KDC Đoàn Bái

- Bổ sung diện tích 3,0ha đất để thực hiện dự án KDC Đông Đoàn Bái

- Điều chỉnh diện tích 6,8 ha quy hoạch đất ở tại thị trấn Thăng và xã Mai Đình (thôn Mai Hạ) về xã Mai Đình để thực hiện dự án Khu dân cư Đông Trước, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa

- Điều chỉnh diện tích 4,8 ha quy hoạch đất ở tại xã Lương Phong và thị trấn Thăng về xã Hương Lâm để thực hiện dự án Khu dân cư Đông Lâm, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa

- Điều chỉnh diện tích 8,0 ha quy hoạch đất ở tại xã Hoàng An, Hợp Thịnh về xã Lương Phong để thực hiện dự án Khu dân cư Lương Phong

- Bổ sung diện tích 0,32 ha đất để thực hiện dự án Trung tâm kinh doanh đồ gỗ, đồ mộc dân dụng (đất thương mại, dịch vụ) tại thị trấn Thăng

(Cổ biểu chi tiết số 02 kèm theo)

UBND huyện Hiệp Hòa đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, TNMT.
- Bản điện tử:**
- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và MT;
- LĐVP, các CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Hoàng Công Bộ

Hoàng Công Bộ





DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG BẤT ĐỘNG SẢN NĂM 2020, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BẤT ĐỘNG SẢN NĂM 2020 HUYỆN HIỆP HÒA

(Kèm theo Tờ trình số 219/TT-UBND ngày 10/9/2020 của UBND huyện Hiệp Hòa)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích, vị trí quy hoạch đã được phê duyệt				Diện tích, vị trí sau khi điều chỉnh quy hoạch				Lý do, căn cứ điều chỉnh, bổ sung
		Địa điểm (xã)	Tổng diện tích (ha)	Đất lúa (ha)	Đất khác (ha)	Địa điểm (xã)	Tổng diện tích (ha)	Đất lúa (ha)	Đất khác (ha)	
1	Đường nối ĐT 295 với đê Sông Cầu	các xã trong huyện	5,00	4,50	0,5	Châu Minh, Mai Đình, Hương Lâm	5,00	4,50	0,50	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
2	Khu dân cư Đông Trục, xã Mai Đình	Thị trấn Thăng (KDC Hưng Thịnh)	2,00	1,80	0,2	Mai Đình	6,80	6,00	0,80	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
3	Khu dân cư Đông Lâm, xã Hương Lâm	Lương Phong, TT. Thăng (KDC Đông Dâu)	4,80	4,00	0,8	Hương Lâm	4,80	4,00	0,80	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
4	Khu dân cư Lương Phong	Hoàng An (KDC Bảo An)	3,00	3,00	0	Lương Phong	6,00	6,00	0,00	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.
		Hợp Thịnh (KDC Hương Ninh)	3,00	3,00	0					
5	Nhà văn hóa thôn Ngà Trại	Dòng Tân	0,16	0,15	0,01	Hương Lâm	0,16	0,15	0,01	Đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, về đích nông mới
	Tổng		22,76	20,45	2,31		22,76	20,65	2,11	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020; BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐƯỢC PHÉP THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN HIỆP HÒA

(Kèm theo tờ trình số 219/TT-UBND ngày 10/9/2020 của UBND huyện Hiệp Hòa)

STT	Danh mục công trình sau khi điều chỉnh, bổ sung	Mã	Tổng diện tích (ha)	Trong đó:			Địa điểm thực hiện dự án (xã)	Cơ sở thực hiện
				Diện tích đất lúa (ha)	Diện tích đất khác (ha)			
1	Đường nối DT 295 với đê sông Cầu	DGT	5.00	4.50	0.50	Châu Minh, Mai Đình, Hương Lâm	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.	
2	Đường dẫn nối từ đường vành đai 1 vào Trung tâm quản lý đô thị mới trường huyện Hiệp Hòa (mở rộng)	DGT	0.10	0.00	0.10	thị trấn Thăng	Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 phê duyệt chủ trương đầu tư.	
3	Nhà văn hóa thôn Nga Trại	DSH	0.16	0.15	0.01	Hương Lâm	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 06/10/2019 của UBND xã Hương Lâm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
4	Xây dựng công trình quốc phòng trong căn cứ chiến đấu 2	QQP	4.00		4.00	Thường Thắng	Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư	
5	KDC Doan Bái (bổ sung diện tích)	ONT	0.01		0.01	Doan Bái	Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư	
6	KDC Đông Trục, Mai Đình	ONT	6.80	6.00	0.80	Mai Đình	Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa.	
7	KDC Đông Lâm, Hương Lâm	ONT	4.80	4.00	0.80	Hương Lâm		
8	KDC Lương Phong	ONT	6.00	6.00	0.00	Lương Phong		
9	KDC Đông Bái Thượng	ONT	3.00	3.00	0.00	Doan Bái	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	
10	Đất thương mại dịch vụ (Trung tâm kinh doanh đồ gỗ, đồ mộc dân dụng)	TMD	0.32	0.15	0.17	thị trấn Thăng	Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng.	
Cộng tổng			30.19	23.80	12.39			

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

S5-K2/TT-UBND

Yên Thế, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị bổ sung danh mục dự án, công trình thu hồi đất, các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2020.

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 2812/TNMT-KHTC ngày 08/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo, thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và đề xuất bổ sung danh mục dự án, công trình năm 2020;

UBND huyện Yên Thế đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung danh mục dự án, công trình thu hồi đất, các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2020 của huyện Yên Thế cụ thể như sau:

Bổ sung 01 dự án xây dựng Bãi đỗ xe tỉnh thị trấn Bô Hạ với tổng diện tích 3.100m² đất, trong đó: Đất lúa 2.345 m², đất khác 755m².

UBND huyện Yên Thế đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định. /

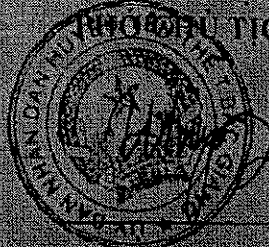
Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu VT.

Ban điện tử:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 164/TT-UBND

Lục Nam, ngày 11 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất; bổ sung danh mục dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lục Nam

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG	
ĐẾN	Số: 9977
	Ngày: 11/9/2020
Chuyển:	

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội v/v giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang v/v thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lục Nam; số 147/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Lục Nam; số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố;

M. Q. KUYE.

Căn cứ Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 04/9/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Lục Nam về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất; bổ sung danh mục dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lục Nam;

UBND huyện Lục Nam đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cho phép điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất; trình HĐND tỉnh bổ sung danh mục dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lục Nam của một số dự án cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất:

1. Đất khu dân cư:

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất với tổng diện tích là 9,67ha của các dự án khu dân cư gồm: thôn Quê, xã Bảo Đài diện tích 0,81ha; đất xen kẹt xã Bảo Đài diện tích 0,5ha; thôn Đào Lạng, xã Bắc Lũng diện tích 0,5ha; Cầu Bình, xã Bình Sơn diện tích 0,6ha; Non Thần, xã Bình Sơn diện tích 0,2ha; Đồng Xung, xã Bình Sơn diện tích 0,3ha; Tân Mộc, xã Bình Sơn diện tích 0,3ha; số 8, thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện diện tích 0,3ha; Lão Má, thôn Rừng Long, xã Lục Sơn diện tích 0,51ha; nhà kho cũ thôn Thọ Sơn, xã Lục Sơn diện tích 0,5ha; Trờ Trên, Trờ Dưới xã Nghĩa Phương diện tích 0,3ha; Công Ngựa thôn Hà Phú 12, xã Tam Dị diện tích 0,9ha; Cửa Đình thôn Hà Phú 12, xã Tam Dị diện tích 0,2ha; Núi Chùa (*thôn Hồ*) Ao Con Cá (*thôn Giàng*), Hồ Chợ (*thôn Buộm*), Ao Cây Lầy (*Thượng Lâm*), xã Thanh Lâm diện tích 1,1ha; Thôn Quảng Hải Hồ, xã Vô Tranh diện tích 0,2ha; thôn Bắc Máng, xã Vô Tranh diện tích 0,3ha; khu vực Ao Sen, xã Vô Tranh diện tích 0,6ha; Khu Bãi Tầu thôn Đồng Công 5, xã Vũ Xá diện tích 0,5ha; khu Công Tây thôn Gốc Khé, xã Vũ Xá diện tích 0,25ha; Khu Đồng Trong, thôn Mười Một, xã Yên Sơn diện tích 0,4ha; thôn Cổ Mân, xã Yên Sơn diện tích 0,2ha; thôn Mười Sáu, xã Yên Sơn diện tích 0,2ha. Chuyển toàn bộ diện tích trên sang thực hiện dự án khu dân cư số 3, xã Phương Sơn.

- Điều chỉnh tên của dự án từ Khu dân cư thôn Thanh Giã 2 thành dự án Khu dân cư mới xã Tam Dị (*theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang*).

- Điều chỉnh loại đất trong dự án Khu dân cư mới xã Tam Dị từ đất trồng cây hàng năm diện tích 7,8ha sang đất trồng lúa theo danh mục đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang; Điều chỉnh 0,8ha đất trồng lúa đã được quy hoạch sang đất ở của các dự án khu dân cư tại xã Tam Dị gồm: thôn Bãi Lờn diện tích 0,1ha; Đầu Cầu K5, thôn Bãi Lờn với diện tích 0,5ha; Đồng Thông thôn Trại Quán với diện tích 0,2ha để

chuyển bổ sung diện tích sang dự án Khu dân cư mới xã Tam Di. Diện tích sau điều chỉnh của dự án là 19,9 ha (trong đó: đất trồng lúa 17,4ha, đất khác 2,5ha).

- Điều chỉnh tên của dự án từ Khu dân cư Chuôm, Dộc Dầu thôn Giếng thành dự án Khu dân cư mới số 2, xã Khám Lạng (theo Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam).

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất 0,8ha đất đã được quy hoạch sang đất ở của các dự án khu dân cư tại xã Khám Lạng gồm: thôn Hòa Nội diện tích 0,2ha; thôn Hạ diện tích 0,25ha; thôn Lưu diện tích 0,35ha để chuyển bổ sung diện tích sang dự án Khu dân cư mới số 2, xã Khám Lạng. Diện tích sau điều chỉnh của dự án là 6,8 ha (trong đó: đất trồng lúa 5,5ha, đất khác 1,3ha).

2. Đất thủy lợi: Bổ sung 04 dự án sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang cụ thể như sau:

- Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát, xã Trường Sơn với diện tích là 0,4ha (đất nuôi trồng thủy sản 0,1ha, đất trồng cây lâu năm 0,3ha).

- Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy, xã Nghĩa Phương với diện tích là 0,25ha (đất ở diện tích 0,03ha, đất trồng cây lâu năm diện tích 0,17ha, đất trồng lúa diện tích 0,05ha).

- Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông, xã Đông Phú với diện tích là 0,6ha (đất nuôi trồng thủy sản 0,5ha, đất trồng cây lâu năm 0,1ha).

- Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bãi, xã Bảo Sơn với diện tích là 0,4ha (đất nuôi trồng thủy sản 0,03ha, đất trồng cây lâu năm 0,37ha).

3. Đất thương mại dịch vụ: Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất thương mại dịch vụ Suối Mỡ, xã Nghĩa Phương sang xã Lan Mẫu với diện tích 1,7ha loại đất hiện trạng là đất trồng lúa.

4. Đất giao thông: Bổ sung dự án Hạ tầng khu sinh thái Suối Mỡ với diện tích 7,4ha đất rừng đặc dụng theo Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 và Công văn số 599/HĐND-TH ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

5. Đất xây dựng bãi rác thải:

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các dự án Bãi rác thải tập trung xã Trường Giang với diện tích 0,3ha; bãi rác tại khu Cầu Trắng xã Vô Tranh với diện tích 0,2ha để chuyển sang Bãi rác tập trung cụm 4 xã tại xã Nghĩa Phương với diện tích 0,5ha (Đất ở 0,2ha, đất trồng cây lâu năm 0,24ha, đất lúa 0,06ha).

- Điều chỉnh địa điểm dự án bãi rác thải tập trung từ thôn Dăm, xã Vũ Xá sang thôn Đông Công, xã Vũ Xá với diện tích 0,25ha đất trồng lúa.

- Điều chỉnh địa điểm dự án bãi rác thải tập trung từ thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn sang thôn Huê Vận 1, xã Bảo Sơn với diện tích 0,3ha đất trồng lúa.

6. Đất sản xuất kinh doanh: Điều chỉnh dự án đất sản xuất kinh doanh khu Ruộng Bùn và Mẩu Bằng, thị trấn Lục Nam (nay là thị trấn Đồi Ngô) để chuyển sang đất Sản xuất kinh doanh xã Tiên Nha với diện tích 1,4ha (đất lúa 1,4ha).

- Điều chỉnh loại đất của thôn Trại Mít, xã Đông Hưng với diện tích 2,2ha (đất trồng lúa 0,6ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,6ha, đất chưa sử dụng 1,0ha) từ đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX) sang đất sản xuất kinh doanh (SKC).

- Điều chỉnh loại đất từ đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX) sang đất sản xuất kinh doanh (SKC) tại thôn Lan Hoà, xã Lan Mẫu với diện tích 4,1ha.

7. Đất Quốc phòng: Bổ sung dự án xây dựng Đài quan sát PK-A4/f365 của Quân chủng phòng không - không quân tại thôn Đồi Gai, xã Chu Điện với diện tích 0,3ha. Loại đất theo hiện trạng là đất rừng sản xuất.

(chi tiết có biểu 01 kèm theo)

II. Bổ sung danh mục dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác của các dự án sau:

II.1. Các dự án, công trình thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.

1. Khu dân cư số 3, xã Phương Sơn với diện tích 96.700m². Trong đó đất trồng lúa là 86.300m², đất khác là 10.400m².

2. Khu dân cư Cửa Điểm, xã Lan Mẫu với diện tích 24.600m². Trong đó đất trồng lúa là 24.600m².

3. Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát, xã Trường Sơn với diện tích là 4.000m². Trong đó đất khác là 4.000m².

4. Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy, xã Nghĩa Phương với diện tích là 2.500m². Trong đó đất trồng lúa 500m², đất khác là 2.000m².

5. Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông, xã Đông Phú với diện tích là 6.000m². Trong đó đất khác là 6.000m².

6. Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bãi, xã Bảo Sơn với diện tích là 4.000m². Trong đó đất khác là 4.000m².

7. Hạ tầng khu sinh thái Suối mỡ, xã Nghĩa Phương với diện tích 74.000m².
Loại đất: Đất rừng đặc dụng.

8. Hạ tầng tuyến đường phía sau UBND huyện (tuyến N118-N11, nằm trong dự án Hạ tầng khu dân cư Hồ Thành Niên, thị trấn Đồi Ngô) với diện tích 1.000,0m²; loại đất: Đất ở 100,0m², đất trồng cây lâu năm 900m².

9. Dự án xây dựng Đài quan sát PK-A4/f365 tại thôn Đồi Gai, xã Chu Điện với diện tích 3.000m². Loại đất là đất rừng sản xuất.

10. Dự án khu dân cư mới xã Tam Dị: Điều chỉnh và Bổ sung diện tích thu hồi đất trồng lúa là 23.500,0m². Tổng diện tích thu hồi, chuyển mục đích sau điều chỉnh, bổ sung là 199.000m² trong đó đất lúa là 174.000m², đất khác là 25.000m² (đã được phê duyệt 190.000m², trong đó: đất lúa 150.500m², đất khác 39.500m²).

11. Bãi rác tập trung cụm 4 xã tại xã Nghĩa Phương với diện tích 5.000m². Trong đó đất trồng lúa 600m², đất khác là 4.400m².

12. Bổ sung diện tích thu hồi, chuyển mục đích của dự án khu dân cư mới số 2, xã Khám Lạng với diện tích 0,8ha. Tổng diện tích thu hồi, chuyển mục đích sau

13. Đất năng lượng thôn Sơn Đình 2, xã Thanh Lâm với diện tích 1.500 m².
Trong đó đất trồng lúa 1.500m².

14. Đất thương mại dịch vụ xã Lan Mẫu với diện tích 17.000 m². Trong đó đất
trồng lúa 17.000m².

15. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Yên Sơn với diện tích 17.000m².
Loại đất: Đất khai thác vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.

16. Bổ sung diện tích thu hồi, chuyển mục đích của dự án khu dân cư mới số
2, xã Khám Lạng với diện tích 0,8ha. Tổng diện tích thu hồi, chuyển mục đích sau
điều chỉnh là 68.000m², trong đó đất lúa là 55.000m², đất khác là 13.000m² (đã
được phê duyệt 60.000m², trong đó: đất lúa 50.000m², đất khác 10.000m²).

(chi tiết có biểu 03 kèm theo)

UBND huyện Lục Nam đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo
cáo UBND tỉnh xem xét quyết định. *Quang*

Nơi nhận: *[Handwritten mark]*

- Như trên;

- Lưu: VT, TNMT;

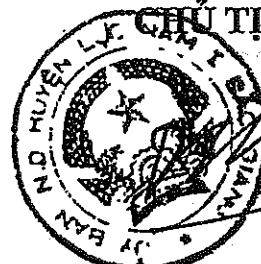
Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND huyện;

-LĐVP;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Đặng Văn Nhân

BIỂU 1. ĐIỀU CHỈNH ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG, DANH MỤC DỰ ÁN CÁC KHU DÂN CƯ TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỶ CUỐI (2016-2020)

(Kèm theo Tờ trình, số 149/TT-UBND ngày 19/9/2020 của UBND huyện Lục Nam)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm - (ha)	Ghi chú
1	Khu Dân cư					
-	Khu dân cư thôn Quê	Xã Bảo Đài	0,81		-0,81	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Đất xen kẹt các khu dân cư	Xã Bảo Đài	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư thôn Đào Lạng	Xã Bắc Lũng	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Cầu Bình	Xã Bình Sơn	0,60		-0,60	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Non Thần	Xã Bình Sơn	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Đồng Xung	Xã Bình Sơn	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Tân Mộc	Xã Bình Sơn	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư số 8, thôn Ngọc Mai	Xã Chu Điện	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu Lão Má, thôn Rừng Long	Xã Lục Sơn	0,51		-0,51	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu Nhà Kho Cũ, thôn Thọ Sơn	Xã Lục Sơn	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Trờ Trên, Trờ Dưới	Xã Nghĩa Phương	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Công Nợa, thôn Hà Phú 12	Xã Tam Dị	0,90		-0,90	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Cửa Đình, thôn Hà Phú 12	Xã Tam Dị	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	khu dân cư Núi Chùa (thôn Hồ); Ao Con Cá (thôn Giàng); Hồ Chợ (thôn Buộm); Ao Cây Lầy (thôn Thượng Lâm)	Xã Thanh Lâm	1,10		-1,10	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu DC thôn Quảng Hải Hồ	xã Vô Tranh	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	KDC thôn Bắc Máng	xã Vô Tranh	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	KDC khu vực Ao Sen	xã Vô Tranh	0,60		-0,60	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu Bãi Tầu, thôn Đồng Công 5	Xã Vũ Xá	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm - (ha)	Ghi chú
	Khu Công Tây, thôn Góc Khế	Xã Vũ Xá	0,25		-0,25	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu Đồng Trong, thôn Mười Một	Xã Yên Sơn	0,40		-0,40	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	thôn Cỏ Mần	Xã Yên Sơn	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	thôn Mười Sáu	Xã Yên Sơn	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu dân cư số 3	Xã Phương Sơn		9,67	9,67	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lạc Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
	Khu dân cư thôn Bãi Lồi	Xã Tam Dị	0,10		-0,10	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Dị
	Khu dân cư Đầu Cầu K5, thôn Bãi Lồi	Xã Tam Dị	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Dị
	Khu dân cư Đồng Thông, thôn Trại Quán	Xã Tam Dị	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Dị
	Khu dân cư mới (trước đây là KDC thôn Thanh Giã 2)	Xã Tam Dị		0,80	0,80	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư
	Khu dân cư thôn Hòa Nội	Xã Khám Lạng	0,20		-0,20	chuyển nội bộ trong xã
	Khu dân cư thôn Hạ	Xã Khám Lạng	0,25		-0,25	chuyển nội bộ trong xã
	Khu dân cư thôn Lưu	Xã Khám Lạng	0,35		-0,35	chuyển nội bộ trong xã
	Khu dân cư mới số 2 (trước đây là KDC Chuôm, Dộc Dầu thôn Giếng)	Xã Khám Lạng		0,80	0,80	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lạc Nam
2	Đất Thủy lợi					
	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn		0,40	0,40	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương		0,25	0,25	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú		0,60	0,60	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Bá Bãi	Xã Bảo Sơn		0,40	0,40	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
3	Đất thương mại dịch vụ					
	Thương mại dịch vụ Suối Mỡ	Xã Nghĩa Phương	1,70		-1,70	Không có khả năng thực hiện chuyển sang xã Khám Lạng
	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mầu		1,70	1,70	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang
4	Đất Giao thông					

STT	Danh mục công trình, dự án.	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm - (ha)	Ghi chú
	Hạ tầng khu sinh thái suối mở	Xã Nghĩa Phương		7,40	7,40	Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh và Công văn số 599/HĐND-TH ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Đất xử lý, chôn lấp rác thải nguy hại:					
	Bãi rác tập trung tại thôn Tòng Lệnh	Xã Trường Giang	0,30		-0,30	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
	Bãi đổ rác tại khu Cầu Trắng	Xã Vô Tranh	0,20		-0,20	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
	Bãi rác tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phương		0,50	0,50	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
	Đất sản xuất kinh doanh khu Ruộng Bùn và Mẫu Bằng	TT Lục Nam (nay là Thị trấn Đồi Ngô)	1,40		-1,40	Không có khả năng thực hiện chuyển sang xã Tiên Nha
	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha		1,40	1,40	Công văn số 2112/SKHĐT - KTDN ngày 26/8/2020 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang
7	Đất quốc phòng					
	Đài quan sát PK-A4/f365	Xã Chu Điện		0,30	0,30	

Biểu 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÉP THU HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LỪA SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số 16/TT-T. UBND ngày 11/9/2020 của UBND huyện Lạc Nam)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
A							
CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT							
1	Khu dân cư số 3	Phường Sơn	96.700,0	86.300,0	10.400,0	86.300,0	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lạc Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
2	Khu dân cư Cửa Điểm	Lan Mẫu	24.600,0	24.600,0		24.600,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn	4.000,0	0,0	4.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
4	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương	2.500,0	500,0	2.000,0	500,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
5	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú	6.000,0	0,0	6.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
6	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bải	Xã Bảo Sơn	4.000,0	0,0	4.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
7	Hạ tầng khu sinh thái suối mờ	Xã Nghĩa Phương	74.000,0	0,0	74.000,0	74.000,0	Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh và Công văn số 599/HĐND-TH ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
8	Hàng mục tuyến đường phía sau UBND huyện (tuyến N118-N11)	Thị trấn Đồi Ngé	1.000,0		1.000,0	0,0	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang
9	Đài quan sát PK-A4/365	Xã Chu Điện	3.000		3.000	0,0	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang
10	Khu Dân cư mới	Xã Tam Dị	23.500,0	23.500,0		23.500,0	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư;
11	Bãi tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phương	5.000,0	5.000,0	0,0	5.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của Bộ TV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
12	Khu Dân cư mới số 2	xã Khảm Lạng	8.000,0	5.000,0	3.000,0	5.000,0	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam
B CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT							
1	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha	14.000,0	14.000,0		14.000,0	Công văn số 2112/SKHĐT - KTDN ngày 26/8/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang
2	Đất thương mại dịch vụ thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1.900,0	1.900,0		1.900,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Đất nông lương thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1.500,0	1.500,0		1.500,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
4	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mẫu	17.000,0	17.000,0	0,0	17.000,0	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang

UBND Huyện

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SDB NĂM 2020 CỦA HUYỆN LỘC NAM

(Kèm theo tờ trình số *KYT.TT*- UBND ngày *11/10/2020* của UBND huyện Lộc Nam)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
1	Khu dân cư số 3	Phượng Sơn	96.700,0	86.300,0	10.400,0	86.300,0	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lộc Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
2	Khu dân cư Cửa Diêm	Lan Mẫu	24.600,0	24.600,0		24.600,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn	4.000,0	0,0	4.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
4	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương	2.500,0	500,0	2.000,0	500,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
5	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú	6.000,0	0,0	6.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
6	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bải	Xã Bảo Sơn	4.000,0	0,0	4.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
7	Hạ tầng khu sinh thái suối mở	Xã Nghĩa Phương	74.000,0	0,0	74.000,0	74.000,0	Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh và Công văn số 599/HĐND-TT ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

[*KYT.TT*]

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
8	Bãi tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phương	5.000,0	5.000,0	0,0	5.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của Bộ TV Thành ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
9	Đài quan sát PK-A4/E365	Xã Chu Điện	3.000		3.000	0,0	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang
10	Khu Dân cư mới	Xã Tam Dị	23.500,0	23.500,0		23.500,0	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư;
11	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha	14.000,0	14.000,0		14.000,0	Công văn số 2112/SK/HĐT - K/TĐN ngày 26/8/2020 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang
12	Đất thương mại dịch vụ thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1.900,0	1.900,0		1.900,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
13	Đất năng lượng thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1.500,0	1.500,0		1.500,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
14	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mẫu		17.000,0	0,0	17.000,0	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang
15	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	xã Yên Sơn	17.000,0		17.000,0	17.000,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
16	Khu Dân cư mới số 2	xã Khám Lạng	8.000,0	5.000,0	3.000,0	5.000,0	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam

Số: 76 /NQ-HĐND

Lục Nam, ngày 14 tháng 9 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất; bổ sung danh mục dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lục Nam

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang v/v thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lục Nam; số 147/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Lục Nam; số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 158/TTr-UBND ngày 03/9/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất; bổ sung danh mục dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lục Nam; Báo cáo

thăm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất; bổ sung danh mục dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lục Nam, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất năm 2020:

1.1. Đất khu dân cư:

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất từ đất trồng lúa (đã được quy hoạch sang đất ở) của 22 dự án khu dân cư với tổng diện tích 9,67ha sang thực hiện dự án Khu dân cư số 3 xã Phương Sơn.

- Điều chỉnh tên của dự án từ Khu dân cư thôn Thanh Giã 2 (xã Tam Dị) thành dự án Khu dân cư mới xã Tam Dị (theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang).

- Điều chỉnh loại đất trong dự án Khu dân cư mới xã Tam Dị từ đất trồng cây hàng năm diện tích 7,8ha sang đất trồng lúa.

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất từ đất trồng lúa đã được quy hoạch sang đất ở của 03 dự án khu dân cư tại xã Tam Dị với tổng diện tích 0,8ha sang thực hiện dự án Khu dân cư mới xã Tam Dị.

- Điều chỉnh tên của dự án từ Khu dân cư Chuôm, Dộc Dầu thôn Giếng thành dự án Khu dân cư mới số 2, xã Khám Lạng (theo Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam).

- Điều chỉnh 0,8ha đất đã được quy hoạch sang đất ở của các dự án khu dân cư tại xã Khám Lạng gồm: thôn Hòa Nội diện tích 0,2ha; thôn Hạ diện tích 0,25ha; thôn Lưu diện tích 0,35ha để chuyển bổ sung diện tích sang dự án Khu dân cư mới số 2, xã Khám Lạng. Diện tích sau điều chỉnh của dự án là 6,8 ha (trong đó: đất trồng lúa 5,5ha, đất khác 1,3ha).

1.2. **Đất thủy lợi:** Bổ sung danh mục để thực hiện 04 dự án sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ (theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang), gồm hồ Khe Cát, xã Trường Sơn 0,4ha; hồ Khe Ráy, xã Nghĩa Phương 0,25ha; hồ Chùa Ông, xã Đông Phú 0,6ha; hồ Ba Bãi, xã Bảo Sơn 0,4ha.

1.3. **Đất thương mại dịch vụ:** Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất của đất thương mại dịch vụ từ xã Nghĩa Phương sang thực hiện tại xã Lan Mẫu với diện tích 1,7ha đất trồng lúa.

1.4. **Đất giao thông:** Bổ sung danh mục dự án Hạ tầng khu sinh thái Suối Mỡ với diện tích 7,4ha đất rừng đặc dụng.

1.5. Đất xây dựng bãi rác thải:

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất của 02 dự án Bãi rác thải tập trung xã Trường Giang và xã Vô Tranh chuyển sang thực hiện Bãi rác tập trung cụm 4 xã tại xã Nghĩa Phương với diện tích 0,5ha.

- Điều chỉnh địa điểm dự án bãi rác thải tập trung xã Vũ Xá từ thôn Dăm sang thôn Đồng Công; diện tích 0,25ha đất trồng lúa.

- Điều chỉnh địa điểm dự án bãi rác thải tập trung xã Bảo Sơn từ thôn Bảo Lộc 1 sang thôn Huê Vân 1, diện tích 0,3ha đất trồng lúa.

1.6. Đất sản xuất kinh doanh:

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất từ khu Ruộng Bún, Mẫu Bằng thuộc thị trấn Lục Nam (nay là thị trấn Đồi Ngô) sang xã Tiên Nha với diện tích 1,4ha.

- Điều chỉnh loại đất từ đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX) sang đất sản xuất kinh doanh (SKC) tại thôn Trại Mít, xã Đông Hưng, diện tích 2,2ha (trong đó đất trồng lúa 0,6ha, đất NTTS 0,6ha, đất chưa sử dụng 01ha).

- Điều chỉnh loại đất từ đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX) sang đất sản xuất kinh doanh (SKC) tại thôn Lan Hoa, xã Lan Mẫu, diện tích 4,1 ha.

1.7. Đất Quốc phòng: Bổ sung danh mục dự án xây dựng Đài quan sát PK-A4/f365/Quân chủng phòng không – không quân tại thôn Đồi Gai, xã Chu Điện với diện tích 0,3ha.

(Chi tiết có Phụ biểu 01 kèm theo)

2. Bổ sung danh mục của 16 dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác:

(Chi tiết có Phụ biểu 02 kèm theo)

3. Bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lục Nam của 16 dự án, công trình được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

(Chi tiết có Phụ biểu 03 kèm theo)

Điều 2. Giao UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND huyện giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân huyện Lục Nam khoá XIX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 04/9/2020./.

Nơi nhận: *LSN*

- TT. HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang;
- TT. Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thân Văn Dần

PHỤ BIỂU 01

**ĐIỀU CHỈNH ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG, DANH MỤC DỰ ÁN CÁC KHU DÂN CƯ
TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020, KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT KỶ CUỐI (2016-2020)**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 04/9/2020 của HĐND huyện Lục Nam)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Đề nghị điều chỉnh đến năm 2020 (ha)	Số sánh tăng +, giảm - (ha)	Ghi chú
1	Khu Dân cư					
	Khu dân cư thôn Quê	Xã Bảo Đài	0,81		-0,81	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Đất xen kẹt các khu dân cư	Xã Bảo Đài	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu dân cư thôn Đào Lạng	Xã Bắc Lũng	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu dân cư Cầu Bình	Xã Bình Sơn	0,60		-0,60	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu dân cư Non Thần	Xã Bình Sơn	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu dân cư Đồng Xung	Xã Bình Sơn	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu dân cư Tân Mộc	Xã Bình Sơn	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu dân cư số 8, thôn Ngọc Mai	Xã Chu Điện	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu Lão Má, thôn Rừng Long	Xã Lục Sơn	0,51		-0,51	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu Nhà Kho Cũ, thôn Thọ Sơn	Xã Lục Sơn	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
	Khu dân cư Trò Trên, Trò Dưới	Xã Nghĩa Phương	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn

-	Khu dân cư Công Ngựa, thôn Hà Phú 12	Xã Tam Di	0,90		-0,90	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Cửa Đình, thôn Hà Phú 12	Xã Tam Di	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư Núi Chùa (thôn Hồ); Ao Con Cá (thôn Giàng); Hồ Chợ (thôn Buộm); Ao Cây Lầy (thôn Thượng Lâm)	Xã Thanh Lâm	1,10		-1,10	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu DC thôn Quảng Hải Hồ	xã Vô Tranh	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	KDC thôn Bắc Máng	xã Vô Tranh	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	KDC khu vực Ao Sen	xã Vô Tranh	0,60		-0,60	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu Bãi Tầu, thôn Đồng Công 5	Xã Vũ Xá	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu Công Tây, thôn Góc Khê	Xã Vũ Xá	0,25		-0,25	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu Đồng Trong, thôn Mười Một	Xã Yên Sơn	0,40		-0,40	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	thôn Cổ Mân	Xã Yên Sơn	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	thôn Mười Sáu	Xã Yên Sơn	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC số 3, xã Phương Sơn
-	Khu dân cư số 3	Xã Phương Sơn		9,67	9,67	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lục Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
-	Khu dân cư thôn Bãi Lồi	Xã Tam Di	0,10		-0,10	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Di
-	Khu dân cư Đầu Cầu K5, thôn Bãi Lồi	Xã Tam Di	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Di
-	Khu dân cư Đồng Thông, thôn Trại Quán	Xã Tam Di	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện chuyển sang KDC mới, xã Tam Di

-	Khu dân cư mới (trước đây là KDC thôn Thanh Giã 2)	Xã Tam Di		0,80	0,80	Quyết định số 478/QĐ- UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư
-	Khu dân cư thôn Hòa Nội	Xã Khám Lạng	0,2		-0,2	Chuyển nội bộ trong xã
-	Khu dân cư thôn Hạ	Xã Khám Lạng	0,25		-0,25	Chuyển nội bộ trong xã
-	Khu dân cư thôn Lưu	Xã Khám Lạng	0,35		-0,35	Chuyển nội bộ trong xã
-	Khu dân cư mới số 2 (trước đây là KDC Chuôm, Dộc Dầu thôn Giêng)	Xã Khám Lạng		0,8	0,8	Quyết định số 403/QĐ- UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam
2	Đất Thủy lợi					
-	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn		0,40	0,40	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
-	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương		0,25	0,25	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
-	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú		0,60	0,60	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
-	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bãi	Xã Bảo Sơn		0,40	0,40	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
3	Đất thương mại dịch vụ					
-	Thương mại dịch vụ Suối Mỡ	Xã Nghĩa Phương	1,70		-1,70	Không có khả năng thực hiện chuyển sang xã Lan Mẫu
-	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mẫu		1,70	1,70	Quyết định số 309/QĐ- UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang
4	Đất Giao thông					

	Hạ tầng khu sinh thái suối mỡ	Xã Nghĩa Phương		7,40	7,40	Quyết định số 559/QĐ- UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh và Công văn số 599/HĐND-TH ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Đất xử lý, chôn lấp rác thải					
	Bãi rác tập trung tại thôn Tòng Lệnh	Xã Trường Giang	0,30		-0,30	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
	Bãi đổ rác tại khu Cầu Trắng	Xã Vô Tranh	0,20		-0,20	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
	Bãi rác tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phương		0,50	0,50	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
	Bãi rác thải tập trung xã Vũ Xá	Xã Vũ Xá	0,25			Chuyển địa điểm từ thôn Dăm sang thôn Đồng Công
	Bãi rác thải tập trung xã Bảo Sơn	Xã Bảo Sơn	0,3			Chuyển địa điểm từ thôn Bảo Lộc 1 sang thôn Huế Vận 1
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
	Đất sản xuất kinh doanh khu Ruộng Bùn và Mẫu Bằng	TT Lục Nam (nay là Thị trấn Đồi Ngô)	1,40		-1,40	Không có khả năng thực hiện chuyển sang xã Tiên Nha
	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha		1,40	1,40	Công văn số 2112/SKHĐT - KTĐN ngày 26/8/2020 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang
7	Đất quốc phòng					
	Đài quan sát PK- A4/f365	Xã Chu Điện		0,30	0,30	

PHỤ BIỂU 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÉP THU HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÉP CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-HBND ngày 19/2020 của UBND huyện Lục Nam)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
A							
ĐẤT							
1	Khu dân cư số 3	Phường Sơn	96.700,0	86.300,0	10.400,0	86.300,0	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lục Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
2	Khu dân cư Cửa Điểm	Lan Mẫu	24.600,0	24.600,0		24.600,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn	4.000,0	0,0	4.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
4	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương	2.500,0	500,0	2.000,0	500,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh

5	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú	6.000,0	0,0	6.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
6	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bãi	Xã Bảo Sơn	4.000,0	0,0	4.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
7	Hệ tầng khu sinh thái suối mố	Xã Nghĩa Phương	74.000,0	0,0	74.000,0	74.000,0	Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh và Công văn số 599/HĐND-TT ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Hàng mục tuyến đường phía sau UBND huyện (tuyến N118-N11)	Thị trấn Đồi Ngò	1.000,0		1.000,0	0,0	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang
9	Đài quan sát PK-A4/1365	Xã Chu Điện	3.000,0		3.000,0	0,0	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang
10	Khu Dân cư mới	Xã Tam Dị	23.500,0	23.500,0		23.500,0	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư
11	Bãi rác tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phương	5.000,0	5.000,0		5.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TT ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
12	Khu Dân cư mới số 2	Xã Khâm Lạng	8.000,0	5.000,0		5.000,0	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam
B	CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU						

HỘI ĐẤT								
1	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha	14.000,0	14.000,0		14.000,0		Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
2	Đất thương mại dịch vụ thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1.900,0	1.900,0		1.900,0		Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Đất nông lương thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1.500,0	1.500,0		1.500,0		Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
4	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mẫu	17.000,0	17.000,0		17.000,0	0,0	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SDB NĂM 2020 CỦA HUYỆN LỘC NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 74 /NQ-UBND ngày 09/2020 của UBND huyện Lộc Nam)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
1	Khu dân cư số 3	Phuong Sơn	96.700,0	86.300,0	10.400,0	86.300,0	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Lộc Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500
2	Khu dân cư Cửa Điểm	Lan Mẫu	24.600,0	24.600,0		24.600,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn	4.000,0	0,0	4.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
4	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương	2.500,0	500,0	2.000,0	500,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
5	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú	6.000,0	0,0	6.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh
6	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ Ba Bải	Xã Bảo Sơn	4.000,0	0,0	4.000,0	0,0	Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh

14/02/2019

7	Hạ tầng khu sinh thái suối mờ	Xã Nghĩa Phước	74.000,0	0.0	74.000,0	74.000,0	0.0	74.000,0	Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh và Công văn số 599/HĐND-TH ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Bãi rác tập trung cụm 04 xã	Xã Nghĩa Phước	3.000,0		3.000,0	0.0	3.000,0	0.0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/2/2020 của Bộ TV Thành ủy và Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Lục Nam
9	Đài quan sát PK-A4/F365	Xã Chu Điện	23.500,0	23.500,0		23.500,0		23.500,0	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang
10	Khu Dân cư mới	Xã Tam Di	5.000,0	5.000,0		5.000,0	0,0	5.000,0	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư;
11	Đất sản xuất kinh doanh	xã Tiên Nha	14.000,0	14.000,0		14.000,0		14.000,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
12	Đất thương mại dịch vụ thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1.900,0	1.900,0		1.900,0		1.900,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
13	Đất nông lượng thôn Sơn Đình 2	Xã Thanh Lâm	1.500,0	1.500,0		1.500,0		1.500,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
14	Thương mại dịch vụ	Xã Lan Mẫu	17.000,0	17.000,0		17.000,0	0.0	17.000,0	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang
15	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	xã Yên Sơn	17.000,0		17.000,0	17.000,0		17.000,0	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
16	Khu dân cư mới số 2	Xã Khánh Lạng	8.000,0	5.000,0		5.000,0	3.000,0	5.000,0	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND huyện Lục Nam

Số: 108 /TTr-UBND

Lạng Giang, ngày 11 tháng 9 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đăng ký danh mục công trình, dự án hồi đất,
chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2020 huyện Lạng Giang

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 39/NQ- HĐND ngày 11/12/2019 Về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án được phép thu hồi đất; các công trình, dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và số 08/NQ-HDDND ngày 9/7/2020 bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 138/QĐ- UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lạng Giang và số 535/QĐ- UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố;

Để có căn cứ thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định, UBND huyện Lạng Giang đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét thẩm định, báo cáo UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục bổ sung các công trình, trên địa bàn huyện Lạng Giang để thực hiện 3 tháng cuối năm 2020, cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 9 tháng năm 2020:

UBND huyện Lạng Giang đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn phối hợp với các chủ đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn theo Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 với tổng diện tích thu hồi là 131,48 ha (trong đó có 116,48 ha đất trồng lúa), với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB đã phê duyệt 305 tỷ đồng.

2. Tổng số danh mục công trình, dự án đăng ký mới là 15, trong đó:

+ Diện tích đề nghị thu hồi là 41,2 ha (trong đó có: 39,4 ha đất trồng lúa và 1,8 ha đất khác);

+ Diện tích đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 43,21 ha (trong đó có: 40,1 ha đất trồng lúa; 1,3ha đất rừng sản xuất và 1,8 ha đất khác);

- Đề nghị điều chỉnh địa điểm thu hồi đất đối với dự án khu đô thị mới phía Đông, thị trấn Vôi từ "Xã Xương Lâm, xã Phi Mô và thị trấn Vôi" thành "Xã Xương Lâm, xã Yên Mỹ và thị trấn Vôi).

(Có biểu Đăng ký danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 kèm theo).

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Như trên;

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;

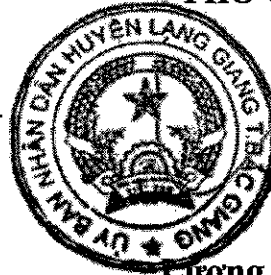
- Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường; Kinh tế - Hạ tầng và Trung tâm Phát triển quỹ đất &CCN;

- LĐVP, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Văn Nghiệp



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN THỦ HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH
CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG CÁC MỤC DỊCH KHÁC NĂM 2020**
(Kèm theo Tờ trình số 108 /TT-UBND ngày 11 /9/2020 của UBND huyện Lạng Giang)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Trước khi điều chỉnh				Sau khi điều chỉnh				Căn cứ
			Diện tích thu hồi		Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Diện tích thu hồi		Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất (m ²)		
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)		Đất khác (m ²)	Tổng diện tích (m ²)		Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)	
1	Dự án xây dựng Xưởng sản xuất gỗ công nghiệp của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Đức Lâm	Thôn 12, xã Hương Lạc và thôn Dâu Cầu, xã Yên Mỹ								13.296,1	Quyết định Điều chỉnh chủ trương đầu tư số 434/QĐ-UBND ngày 01/6/2020
2	Dự án Xây dựng Cửa hàng kinh doanh tổng hợp của hộ kinh doanh Trần Văn Dương	Thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm				3.000,0	2.500,0		6.500,0		Quyết định Điều chỉnh chủ trương đầu tư số 324/QĐ-UBND ngày 22/4/2020
3	Dự án Xây dựng Nhà máy gia công kết cấu thép, sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn của Công ty cổ phần Phúc Hưng	Cụm công nghiệp Non Sáo, xã Tân Đình				2.000,0	2.000,0		4.500,0		Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1441308886 chứng nhận lần thứ 2 ngày 19/12/2019
4	Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Nghĩa Hoà	Xã Nghĩa Hoà				120.000,0	110.000,0	10.000,0	110.000,0		Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh BG
5	Khu đô thị Trung tâm thị trấn Kép mở rộng (tỷ lệ 1/500)	TT Kép	216.000,0	200.000,0	16.000,0	258.000,0	242.000,0	16.000,0	242.000,0		Bổ sung diện tích tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang
6	Khu dân cư trung tâm xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang	Xã Mỹ Thái				132.500,0	130.000,0	2.500,0	130.000,0		Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang
7	Khu đô thị Mỹ Hưng, huyện Lạng Giang	Xã Yên Mỹ và xã Tân Hưng				101.800,0	99.000,0	2.800,0	99.000,0		Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang
8	Khu đô thị mới phía Đông, thị trấn Vôi	Xã Yên Mỹ, xã Tân Hưng, xã Xương Lâm và thị trấn Vôi	560.500,0	460.000,0	100.500,0	560.500,0	460.000,0	100.500,0	460.000,0		Bổ sung địa điểm thu hồi đất (xã Yên Mỹ)
9	Dự án khu dân cư nông thôn	Thôn Cầu Trong và Chi Lễ, xã Mỹ Thái				5.200,0	2.600,0	2.600,0	2.600,0		Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh
10	Khu dân cư thôn Hạ (thanh toán BT)	Xã Nghĩa Hoà	109.800,0	98.000,0	11.800,0	115.400,0	98.000,0	17.400,0	98.000,0		Theo Công văn số 247/UBND-XD ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh BG
11	Khu dân cư thôn Nghĩa Hoà (thanh toán BT)	Xã Nghĩa Hoà và xã An Hà	109.600,0	97.000,0	12.600,0	110.600,0	98.000,0	12.600,0	98.000,0		Bổ sung diện tích để thực hiện dịch chuyển đường ống dẫn
12	Mở rộng trường Tiểu học xã Hương Lạc	Thôn Chùa, xã Hương Lạc				2.020,8	766,0	1.254,0	766,4		Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh
13	Xây dựng trụ sở Nhà điều hành sản xuất điện lực Lạng Giang	TT Vôi				3.000,0	3.000,0		3.000,0		Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 1329/QĐ-EVNNPC ngày 04/6/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
14	Dự án nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đa chia đa nối 2020	Xã Tân Hưng, Mỹ Hà, Tiên Lục				120	120		120		Kế hoạch ĐTXD 2020 của Công ty điện lực Bắc Giang
15	Xây dựng ĐZ và các TBA để giảm tổn thất điện năng và xử lý điện áp thấp, CQT các xã Quang Thịnh, Tân Đình, Mỹ Thái, Xương Lâm, Phi Mô, Tân Hưng huyện Lạng Giang năm 2020.	Vôi, Mỹ Thái, Tân Hưng, Quang Thịnh, Xương Lâm				612	612		612		Kế hoạch ĐTXD 2020 của Công ty điện lực Bắc Giang
Tổng diện tích			995.900,0	855.000,0	140.900,0	1.414.752,8	1.248.598,0	165.654,0	1.255.098,4	13.296,1	

